

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

---

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP** **THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

**TP. Hồ Chí Minh – Năm 2019**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số:        /QĐ-LTT-ĐT, ngày    tháng    năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Tên ngành, nghề:** Thiết kế đồ họa

**Mã ngành, nghề:** 5210402

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Chính quy (Tín chỉ)

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THCS

**Thời gian đào tạo:** 03 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Trung cấp Công nghệ Thông tin (chuyên ngành Thiết kế đồ họa) có phẩm chất, kiến thức, kỹ năng tư duy và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực thiết kế đồ họa 2D và đồ họa web.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Kiến thức:

- Sinh viên nắm vững các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về mỹ thuật trong thiết kế như: Màu sắc, bố cục, chữ viết, các nguyên lý thiết kế,...
- Sinh viên tích hợp được các kiến thức về hệ thống, các công cụ thiết kế cũng như các công nghệ liên quan đến ngành thiết kế.
- Sinh viên nắm vững kiến thức và phương pháp phát huy tư duy sáng tạo trong thiết kế.

Sinh viên mở rộng được kiến thức cá nhân về thực tiễn và tính ứng dụng trong nền công nghiệp thiết kế hiện đại, nắm bắt được nhu cầu xã hội để hướng mục đích thiết kế phù hợp với nhu cầu thực tế

#### 2.2. Kỹ năng:

- Sinh viên có khả năng vẽ phác thảo mẫu, tạo hình, trang trí bằng tay thông qua các công cụ như: bút vẽ, cọ vẽ,...
- Có khả năng sử dụng kỹ thuật hợp lý, hiệu quả và nghệ thuật
- Sử dụng thành thạo các công cụ thiết kế 2D và 3D: Photoshop/ Illustrator/ Corel Draw, InDesign, 3ds Max...

- Sử dụng tốt các phần mềm thiết kế web như: Adobe DreamWeaver/ Adobe Flash..
- Sinh viên có khả năng tổ chức và thực hiện kế hoạch thiết kế
- Sinh viên có khả năng tư duy và sáng tạo trong thiết kế.
- Tổ chức và thiết kế được hầu hết các sản phẩm đồ họa ứng dụng, trong đó đảm bảo các yếu tố về tính hiệu quả, mỹ thuật và sáng tạo. Các sản phẩm ứng dụng cụ thể như Logo, Name card, Poster, Brochure, Bao bì, lịch, thiệp, website, , tạp chí....

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Chuyên viên thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, thiết kế quảng cáo: Làm việc tại các công ty thuộc lĩnh vực quảng cáo.
- Chuyên viên Thiết kế mẫu, bao bì: Làm việc tại các công ty in ấn bao bì
- Chuyên viên Thiết kế mẫu cho các công ty/ cơ quan/ tổ chức xuất bản sách báo/ tạp chí
- Chuyên viên xử lý ảnh KTS trong các studio, các công việc liên quan xử lý ảnh kỹ thuật số.
- Chuyên viên thiết kế đồ họa cho website: Làm việc tại các công ty liên quan đến thiết kế trang web: giới thiệu cá nhân/ quảng cáo/ bán hàng/ thông tin/ giáo dục...

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: **43**
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **139** tín chỉ
- Khối lượng kiến thức về văn hóa: **1110** giờ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **315** giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1170** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **482** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1003** giờ
- Thời gian khóa học: **3** năm

## 3. Nội dung chương trình:

| Mã Môn học | Tên môn học                         | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) |            |                                          |           |
|------------|-------------------------------------|------------|-------------------------|------------|------------------------------------------|-----------|
|            |                                     |            | Tổng số                 | Trong đó   |                                          |           |
|            |                                     |            |                         | Lý thuyết  | Thực hành / thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra  |
| <b>I</b>   | <b>Các môn học chung/ đại cương</b> | <b>19</b>  | <b>315</b>              | <b>149</b> | <b>148</b>                               | <b>18</b> |
| CTT402     | Giáo dục Chính trị                  | 2(1,1,3)   | 30                      | 15         | 13                                       | 2         |
| CTT406     | Pháp luật                           | 1(1,0,2)   | 15                      | 9          | 5                                        | 1         |
| CBT424     | Giáo dục thể chất (*)               | 1(0,1,1)   | 30                      | 4          | 24                                       | 2         |
| CBT417     | Giáo dục Quốc phòng và An ninh (*)  | 3(2,1,5)   | 45                      | 21         | 21                                       | 3         |
| TTT4200    | Tin học                             | 3(1,2,3)   | 45                      | 15         | 29                                       | 1         |

| Mã Môn học   | Tên môn học                               | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) |             |                                          |           |
|--------------|-------------------------------------------|------------|-------------------------|-------------|------------------------------------------|-----------|
|              |                                           |            | Tổng số                 | Trong đó    |                                          |           |
|              |                                           |            |                         | Lý thuyết   | Thực hành / thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra  |
| CBT441       | Tiếng Anh 1                               | 3(1,2,3)   | 60                      | 20          | 30                                       | 2         |
| CBT442       | Tiếng Anh 2                               | 2(1,1,3)   | 30                      | 10          | 26                                       | 2         |
| KTT401       | Kỹ năng mềm (*)                           | 4(4,0,8)   | 60                      | 55          |                                          | 5         |
| <b>II</b>    | <b>Các môn học văn hóa</b>                | <b>74</b>  | <b>1110</b>             | <b>1074</b> |                                          | <b>36</b> |
| CBT401       | Toán 1                                    | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT405       | Toán 2                                    | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT409       | Toán 3                                    | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT413       | Toán 4                                    | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT419       | Toán 5                                    | 5          | 75                      | 73          |                                          | 2         |
| CBT420       | Toán 6                                    | 5          | 75                      | 73          |                                          | 2         |
| CBT402       | Vật lí 1                                  | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT406       | Vật lí 2                                  | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT410       | Vật lí 3                                  | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT414       | Vật lí 4                                  | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT404       | Ngữ văn 1                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT408       | Ngữ văn 2                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT412       | Ngữ văn 3                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT416       | Ngữ văn 4                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT403       | Hóa học 1                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT407       | Hóa học 2                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT411       | Hóa học 3                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| CBT415       | Hóa học 4                                 | 4          | 60                      | 58          |                                          | 2         |
| <b>III</b>   | <b>Các môn học chuyên môn ngành, nghề</b> | <b>46</b>  | <b>1170</b>             | <b>287</b>  | <b>855</b>                               | <b>28</b> |
| <i>III.1</i> | <i>Môn học cơ sở</i>                      | <b>17</b>  | <b>390</b>              | <b>108</b>  | <b>270</b>                               | <b>12</b> |
| TTT4151      | Mỹ thuật cơ bản                           | 3(1,2,3)   | 75                      | 13          | 60                                       | 2         |
| TTT4152      | Nghệ thuật chữ                            | 3(1,2,3)   | 75                      | 13          | 60                                       | 2         |
| TTT4153      | Nguyên lý tạo hình                        | 2(1,1,3)   | 45                      | 13          | 30                                       | 2         |
| TTT4154      | Ý tưởng sáng tạo                          | 3(2,1,5)   | 60                      | 28          | 30                                       | 2         |
| TTT4155      | Thiết kế Web                              | 4(2,2,5)   | 90                      | 28          | 60                                       | 2         |

| Mã Môn học       | Tên môn học                                            | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) |             |                                          |           |
|------------------|--------------------------------------------------------|------------|-------------------------|-------------|------------------------------------------|-----------|
|                  |                                                        |            | Tổng số                 | Trong đó    |                                          |           |
|                  |                                                        |            |                         | Lý thuyết   | Thực hành / thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra  |
| TTT4106          | Quay phim – Chụp ảnh KTS                               | 2(1,1,3)   | 45                      | 13          | 30                                       | 2         |
| <b>III.2</b>     | <b>Môn học chuyên môn ngành, nghề</b>                  | <b>25</b>  | <b>690</b>              | <b>153</b>  | <b>525</b>                               | <b>12</b> |
| TTT4156          | Xử lý ảnh với Photoshop                                | 4(2,2,5)   | 90                      | 28          | 60                                       | 2         |
| TTT4101          | Chế bản với Indesign                                   | 3(2,1,5)   | 60                      | 28          | 30                                       | 2         |
| TTT499           | Thiết kế đồ họa với Illustrator                        | 3(2,1,5)   | 60                      | 28          | 30                                       | 2         |
| TTT4157          | Thiết kế đồ họa với Corel Draw                         | 2(1,1,3)   | 45                      | 13          | 30                                       | 2         |
| TTT4158          | Thiết kế web nâng cao                                  | 3(2,1,5)   | 60                      | 28          | 30                                       | 2         |
| TTT4198          | Thiết kế đồ họa 3D với 3Dmax                           | 3(2,1,5)   | 60                      | 28          | 30                                       | 2         |
| TTT4103          | Đồ án Thiết kế bao bì                                  | 1(0,1,0)   | 45                      |             | 45                                       |           |
| TTT4105          | Thực tập tốt nghiệp                                    | 6(0,6,0)   | 270                     |             | 270                                      |           |
| <b>III.3</b>     | <b>Môn học tự chọn (SV chọn 2 môn trong 3 môn học)</b> | <b>4</b>   | <b>90</b>               | <b>26</b>   | <b>60</b>                                | <b>4</b>  |
| TTT4102          | Biên tập phim với Premiere                             | 2(1,1,3)   | 45                      | 13          | 30                                       | 2         |
| TTT4159          | Thiết kế đồ họa 2D với Flash                           | 2(1,1,3)   | 45                      | 13          | 30                                       | 2         |
| TTT4160          | Công nghệ Multimedia                                   | 2(1,1,3)   | 45                      | 13          | 30                                       | 2         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                        | <b>139</b> | <b>2595</b>             | <b>1510</b> | <b>1003</b>                              | <b>82</b> |

Các môn học được gắn dấu (\*), Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh và Kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học hành nhưng là môn học điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học hành, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, công nhận tốt nghiệp

#### 4. Kế hoạch giảng dạy

| TT                      | Mã môn học | Tên môn học | Số tín chỉ | Mã môn học:<br>Học trước (a)<br>Song hành (b) | Ghi chú |
|-------------------------|------------|-------------|------------|-----------------------------------------------|---------|
| <b>Học kỳ 1</b>         |            |             | <b>18</b>  |                                               |         |
| <i>Môn học bắt buộc</i> |            |             | <b>18</b>  |                                               |         |

| TT                      | Mã môn học | Tên môn học                        | Số tín chỉ | Mã môn học:<br>Học trước (a)<br>Song hành (b) | Ghi chú |
|-------------------------|------------|------------------------------------|------------|-----------------------------------------------|---------|
| 1                       | CBT404     | Ngữ văn 1                          | 4(4,0,8)   |                                               |         |
| 2                       | CBT401     | Toán 1                             | 4(4,0,8)   |                                               |         |
| 3                       | KTT401     | Kỹ năng mềm (*)                    | 4(4,0,8)   |                                               |         |
| 4                       | CTT402     | Giáo dục Chính trị                 | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| 5                       | CTT406     | Pháp luật                          | 1(1,0,2)   |                                               |         |
| 6                       | CBT424     | Giáo dục thể chất (*)              | 1(0,1,1)   |                                               |         |
| 7                       | TTT429     | Nguyên lý tạo hình                 | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| <i>Môn học tự chọn</i>  |            |                                    | <b>0</b>   |                                               |         |
| <b>Học kỳ 2</b>         |            |                                    | <b>25</b>  |                                               |         |
| <i>Môn học bắt buộc</i> |            |                                    | <b>25</b>  |                                               |         |
| 8                       | CBT417     | Giáo dục Quốc phòng và An ninh (*) | 3(2,1,5)   |                                               |         |
| 9                       | CBT405     | Toán 2                             | 4(4,0,8)   | CBT401(a)                                     |         |
| 10                      | CBT402     | Vật lí 1                           | 4(4,0,8)   |                                               |         |
| 11                      | CBT408     | Ngữ văn 2                          | 4(4,0,8)   | CBT404(a)                                     |         |
| 12                      | TTT4200    | Tin học                            | 3(1,2,3)   |                                               |         |
| 13                      | TTT4156    | Xử lý ảnh với Photoshop            | 4(2,2,5)   |                                               |         |
| 14                      | TTT499     | Thiết kế đồ họa với Illustrator    | 3(2,1,5)   |                                               |         |
| <i>Môn học tự chọn</i>  |            |                                    | <b>0</b>   |                                               |         |
| <b>Học kỳ 3</b>         |            |                                    | <b>26</b>  |                                               |         |
| <i>Môn học bắt buộc</i> |            |                                    | <b>26</b>  |                                               |         |
| 15                      | CBT403     | Hóa học 1                          | 4(4,0,8)   |                                               |         |
| 16                      | CBT409     | Toán 3                             | 4(4,0,8)   | CBT405(a)                                     |         |
| 17                      | CBT406     | Vật lí 2                           | 4(4,0,8)   | CBT402(a)                                     |         |
| 18                      | CBT412     | Ngữ văn 3                          | 4(4,0,8)   | CBT408(a)                                     |         |
| 19                      | TTT4151    | Mỹ thuật cơ bản                    | 3(1,2,3)   | TTT4153 (a)                                   |         |
| 20                      | TTT4152    | Nghệ thuật chữ                     | 3(1,2,3)   |                                               |         |
| 21                      | TTT4155    | Thiết kế web                       | 4(2,2,5)   |                                               |         |
| <i>Môn học tự chọn</i>  |            |                                    | <b>0</b>   |                                               |         |
| <b>Học kỳ 4</b>         |            |                                    | <b>24</b>  |                                               |         |
| <i>Môn học bắt buộc</i> |            |                                    | <b>24</b>  |                                               |         |
| 22                      | CBT407     | Hóa học 2                          | 4(4,0,8)   | CBT403(a)                                     |         |

| TT                                                     | Mã môn học | Tên môn học                    | Số tín chỉ | Mã môn học:<br>Học trước (a)<br>Song hành (b) | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------|------------|--------------------------------|------------|-----------------------------------------------|---------|
| 23                                                     | CBT416     | Ngữ văn 4                      | 4(4,0,8)   | CBT412(a)                                     |         |
| 24                                                     | CBT413     | Toán 4                         | 4(4,0,8)   | CBT409(a)                                     |         |
| 25                                                     | CBT410     | Vật lí 3                       | 4(4,0,8)   | CBT406(a)                                     |         |
| 26                                                     | TTT4106    | Quay phim –Chụp ảnh KTS        | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| 27                                                     | TTT4154    | Ý tưởng sáng tạo               | 3(2,1,5)   |                                               |         |
| 28                                                     | TTT4158    | Thiết kế web nâng cao          | 3(2,1,5)   | TTT4155 (a)                                   |         |
| <i>Môn học tự chọn</i>                                 |            |                                | <b>0</b>   |                                               |         |
| <b>Học kỳ 5</b>                                        |            |                                | <b>24</b>  |                                               |         |
| <i>Môn học bắt buộc</i>                                |            |                                | <b>24</b>  |                                               |         |
| 29                                                     | CBT411     | Hóa học 3                      | 4(4,0,8)   | CBT407(a)                                     |         |
| 30                                                     | CBT414     | Vật lí 4                       | 4(4,0,8)   | CBT410(a)                                     |         |
| 31                                                     | CBT419     | Toán 5                         | 5(5,0,10)  | CBT413(a)                                     |         |
| 32                                                     | CBT441     | Tiếng Anh 1                    | 3(1,2,3)   |                                               |         |
| 33                                                     | TTT4157    | Thiết kế đồ họa với Corel Draw | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| 34                                                     | TTT4198    | Thiết kế đồ họa 3D với 3Dmax   | 3(2,1,5)   |                                               |         |
| 35                                                     | TTT4101    | Chế bản với Indesign           | 3(2,1,5)   |                                               |         |
| <i>Môn học tự chọn</i>                                 |            |                                | <b>0</b>   |                                               |         |
| <b>Học kỳ 6</b>                                        |            |                                | <b>22</b>  |                                               |         |
| <i>Môn học bắt buộc</i>                                |            |                                | <b>18</b>  |                                               |         |
| 36                                                     | CBT415     | Hóa học 4                      | 4(4,0,8)   | CBT411(a)                                     |         |
| 37                                                     | CBT420     | Toán 6                         | 5(5,0,10)  | CBT419(a)                                     |         |
| 38                                                     | CBT442     | Tiếng Anh 2                    | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| 39                                                     | TTT4101    | Đồ án Thiết kế bao bì          | 1(0,1,0)   |                                               |         |
| 40                                                     | TTT4105    | Thực tập tốt nghiệp            | 6(0,6,0)   |                                               |         |
| <i>Môn học tự chọn (SV chọn 2 môn trong 3 môn học)</i> |            |                                | <b>4</b>   |                                               |         |
| 41                                                     | TTT4102    | Biên tập phim với Premiere     | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| 42                                                     | TTT4160    | Công nghệ Multimedia           | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| 43                                                     | TTT4159    | Thiết kế đồ họa 2D với Flash   | 2(1,1,3)   |                                               |         |
| <b>Tổng cộng</b>                                       |            |                                | <b>139</b> |                                               |         |

## **5. Hướng dẫn sử dụng chương trình:**

### *5.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:*

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

### *5.2. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:*

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

### *5.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:*

Thực hiện theo Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM.

### *5.4. Các chú ý khác (nếu có)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019

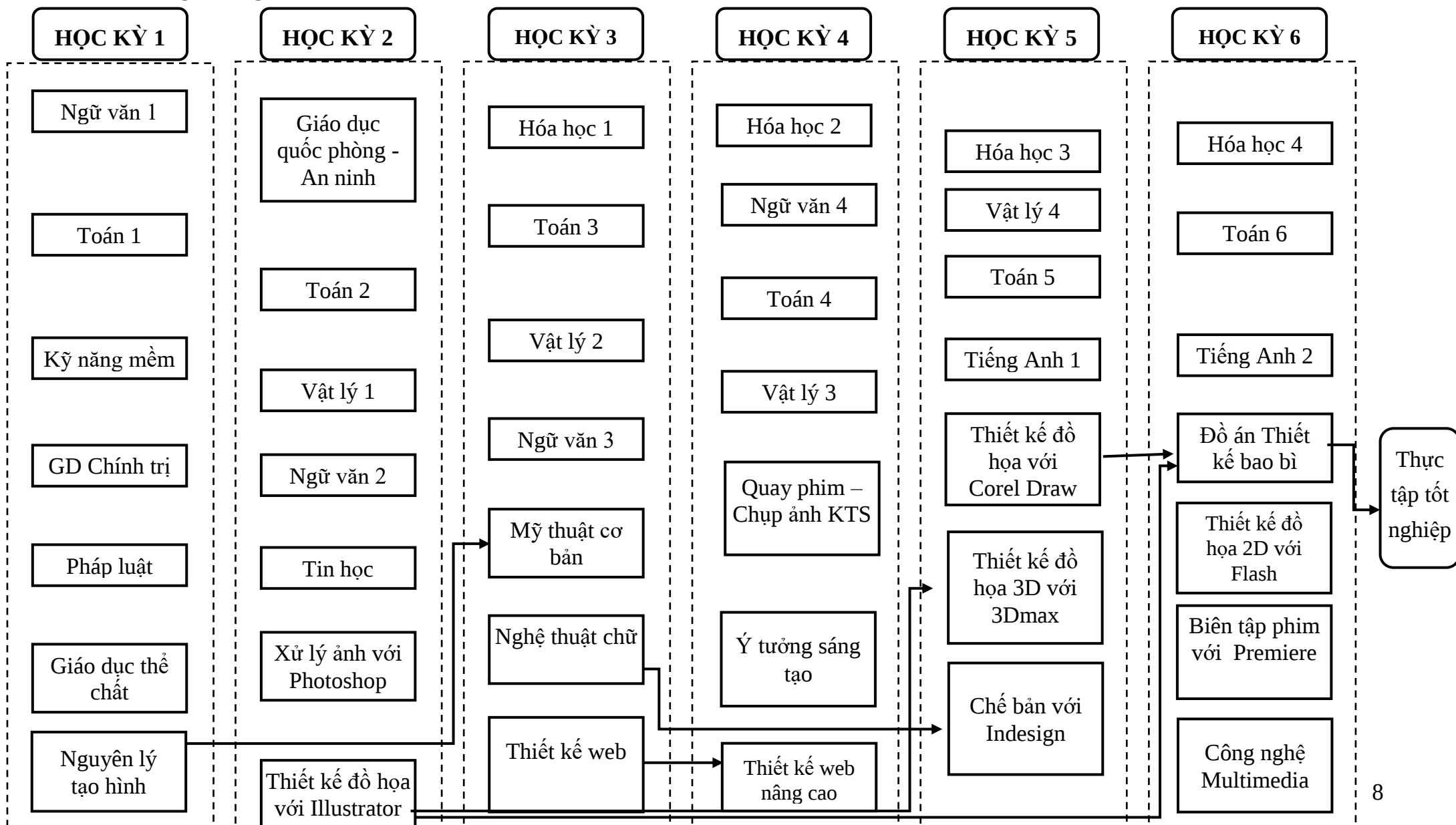
**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Hữu Lộc**

# SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: Thiết kế đồ họa

Mã ngành, nghề: 5480402



# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: MỸ THUẬT CƠ BẢN**

**Mã môn học: TTT4151**

**Thời gian thực hiện môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học cơ sở ngành, bố trí trước các môn chuyên ngành.
- Tính chất: Môn học bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  - + Có kiến thức trong việc sử dụng màu sắc trong thiết kế ứng dụng
  - + Nắm được các nguyên tắc bố cục trong thiết kế ứng dụng
  - + Có kiến thức về quy trình trang trí
- Về kỹ năng:
  - + Sử dụng hiệu quả màu sắc (pha màu nước, màu trên máy tính) trong các sản phẩm thiết kế ứng dụng.
  - + Bố cục tốt được nội dung trong các sản phẩm thiết kế ứng dụng
  - + Có khả năng trang trí các mẫu sản phẩm ứng dụng
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức trách nhiệm trong tác nghiệp thiết kế.
  - + Có khả năng tư vấn thiết kế.
  - + Có khả năng nhận định giá trị các sản phẩm thiết kế ở góc độ chuyên môn và các yếu tố về mỹ thuật, nghệ thuật.
  - + Rèn luyện khả năng tự học, tư duy sáng tạo.
  - + Phối hợp làm việc theo nhóm

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                    | Thời gian (giờ) |           |                                          |          |
|-------|----------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------|----------|
|       |                                              | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1: Tổng quan về mỹ thuật trong thiết kế. | 6               | 3         | 3                                        |          |
| 2     | Bài 2: Bố cục trong thiết kế                 | 15              | 2         | 13                                       |          |
| 3     | Bài 3: Màu sắc trong thiết kế                | 15              | 3         | 12                                       |          |
| 4     | Bài 4: Trang trí cơ bản                      | 21              | 2         | 18                                       | 1        |

| Số TT     | Tên các bài trong môn học                       | Thời gian (giờ) |           |                                          |          |
|-----------|-------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------|----------|
|           |                                                 | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 5         | Bài 5: Trang trí các sản phẩm ứng dụng đơn giản | 18              | 3         | 14                                       | 1        |
| Tổng cộng |                                                 | 75              | 13        | 60                                       | 2        |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: TỔNG QUAN VỀ MỸ THUẬT TRONG THIẾT KẾ.

Thời gian: 06 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Có kiến thức về mỹ thuật trong thiết kế
- Thấy được vai trò của mỹ thuật trong thiết kế

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1 Tổng quan

##### 2.2 Vai trò của mỹ thuật trong thiết kế ứng dụng

### Bài 2: BỐ CỤC TRONG THIẾT KẾ

Thời gian: 15 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Có kiến thức về bố cục trong thiết kế
- Thấy được vai trò của bố cục trong thiết kế

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1. Vai trò bố cục trong thiết kế

##### 2.2. Các nguyên tắc thiết kế

##### 2.3. Các công thức chuẩn mực trong thiết kế.

##### 2.4. Các lược đồ thiết kế

### Bài 3: MÀU SẮC TRONG THIẾT KẾ

Thời gian: 15 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Có kiến thức về màu sắc trong thiết kế
- Thấy được vai trò của màu sắc trong thiết kế

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1. Vai trò của màu sắc trong thiết kế

##### 2.2. Các đặc tính về màu sắc

##### 2.3. Các quy tắc phối màu

### Bài 4: TRANG TRÍ CƠ BẢN

Thời gian: 21 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Thấy được vai trò của trang trí trong thiết kế.
- Nắm được quy trình cách điệu và trang trí cho hoa lá, động vật, trang trí hình tròn.

- Tự tạo những họa tiết bản vẽ tay, bản vẽ trên máy tính và ứng dụng vào chuyên ngành của mình

## 2. Nội dung bài:

### 1. Nghiên cứu hoa, lá.

Chép hoa lá.

### 2. Đơn giản và cách điệu hoa, lá (Vẽ tay, vẽ trên máy tính)

#### 2.1 Đơn giản hóa

#### 2.2 Cách điệu

##### 2.2.1 Cách điệu nét

##### 2.2.2 Cách điệu mảng

##### 2.2.3 Cách điệu tổng hợp

### 3. Trang trí 1 hình tròn. (Vẽ tay, vẽ trên máy tính)

#### 3.1. Bố cục đối xứng qua 1 trục.

#### 3.2. Bố cục đối xứng qua 2 trục.

#### 3.3. Cấu trúc trang trí cơ bản của hình tròn.

#### 3.4. Các bước thực hiện bài tập

##### 3.4.1. Phác thảo trắng đen.

##### 3.4.2. Phác thảo màu.

##### 3.4.3. Tìm hình.(Ứng dụng họa tiết hoa, lá)

##### 3.4.4. Thể hiện

## **Bài 5: TRANG TRÍ CÁC SẢN PHẨM ĐỒ HỌA ỨNG DỤNG ĐƠN GIẢN**

Thời gian: 18 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trang trí được một, chiếc quạt giấy.
- Nắm được quy trình trang trí 1 sản phẩm đồ họa ứng dụng (bản vẽ tay và bản vẽ trên máy tính)

### 2. Nội dung bài:

#### 1.1. Bố cục bất đối xứng: qua 1 trục, qua 2 trục

#### 1.2. Nhịp điệu.

#### 1.3. Các bước thực hiện bài tập

##### 1.3.1. Phác thảo đen trắng.

##### 1.3.2. Phác thảo màu.

##### 1.3.3. Tìm hình.(Ứng dụng họa tiết hoa, lá)

##### 1.3.4. Thể hiện.

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành máy tính, máy chiếu

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính và các phần mềm thiết kế

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các mẫu thiết kế để phân tích, nhận định và đánh giá

4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

Nội dung:

- + Kiến thức: Trình bày lại các khái niệm bài học
- + Kỹ năng: Ứng dụng được các kiến thức trong bài học
- + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tự giác và chuyên cần.

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Học qua sản phẩm thiết kế ứng dụng cụ thể

- Đối với giáo viên, giảng viên: Trình bày kiến thức, phân tích mẫu, đặt vấn đề.
- Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra

3. Những trọng tâm cần chú ý: Cách sử dụng màu sắc, bố cục, cách trang trí trong từng mẫu thiết kế.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tóm tắt bài giảng của giảng viên phụ trách môn học
  - Phương pháp tư duy & thực hành bố cục mỹ thuật - Method of thinking & on the composition on fine arts, Uyên Huy (Huỳnh Văn Mười), Mỹ thuật, 2013.
  - Màu sắc và phương pháp sử dụng - Color & using method (Kèm đĩa CD) Uyên Huy (Huỳnh Văn Mười), NXB Lao động - Xã hội, 2009
  - Cơ sở phương pháp luận design, Lê Huy Văn, NXB Mỹ Thuật
- Trang Web/CDs tham khảo
- <http://dohoavn.net>
  - Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** NGHỆ THUẬT CHỮ

**Mã môn học:** TTT4152

**Thời gian thực hiện môn học:** 75 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học cơ sở
- Tính chất: Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức về kỹ thuật sử dụng chữ trong các mẫu thiết kế.

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên đạt được những kiến thức sau:
  - + Phát triển tư duy nghệ thuật về ứng dụng chữ trong thiết kế đồ họa
  - + Hiểu được phương pháp sáng tạo thông qua thực hiện các bài tập
- Kỹ năng:
  - + Áp dụng cá mẫu chữ trong thiết kế thực hiện các đồ án có giá trị thực tiễn.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Phát huy tính tự học và sáng tạo, tham gia tích cực vào giờ học.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT     | Tên các chương trong môn học                                    | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|           |                                                                 | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1         | Chương 1: NGUYÊN LÝ TẠO HÌNH NGHỆ THUẬT CHỮ- CÁC ĐỊNH LUẬT      | 5               | 3         | 2                                                    |          |
| 2         | Chương 2: CHỮ, CẤU TRÚC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN                        | 5               | 3         | 2                                                    |          |
| 3         | Chương 3: CÁC KIỂU CHỮ                                          | 35              | 2         | 32                                                   | 1        |
| 4         | Chương 4: VAI TRÒ CỦA CHỮ- NGHỆ THUẬT CHỮ TRONG THIẾT KẾ ĐỒ HỌA | 25              | 4         | 20                                                   | 1        |
| 5         | Ôn tập kết thúc môn học                                         | 5               | 1         | 4                                                    |          |
| Tổng cộng |                                                                 | 75              | 13        | 60                                                   | 2        |

## **2. Nội dung chi tiết:**

### **Chương 1: NGUYÊN LÝ TẠO HÌNH NGHỆ THUẬT CHỮ- CÁC ĐỊNH LUẬT**

Thời gian: 5 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng vận dụng những nguyên lý về thị giác trong việc tạo hình chữ:

#### **2. Nội dung chương:**

##### **1.1 Nguyên lý tạo hình**

##### **1.2 Các định luật**

1.2.1 Sự gần

1.2.2 Sự đồng dạng

1.2.3 Sự khép kín

1.2.4 Hẹp và rộng

1.2.5 Sự nhân biết

1.2.6 Sự chuyển đổi

1.2.7 Sự cân đối

1.2.8 Sự tương phản

1.2.9 Đen trắng – lời lờm

### **Chương 2: CHỮ LATINH- LỊCH SỬ, KIỂU CHỮ, CẤU TRÚC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN**

Thời gian: 5 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng.

- Hiểu được phương pháp thể hiện bài tập

- Ứng dụng chữ vào trong thiết kế đồ họa.

#### **2. Nội dung chương:**

2.1 Giới thiệu về lịch sử của chữ

2.2 Bảng chữ cái (Aphabets) sự ra đời chữ la tinh

2.3 Phong cách nghệ thuật cổ hy nạp

2.4 Thời kỳ phục hưng

2.5 Thời kỳ cận đại

2.6 Thời kỳ hiện đại

### **Chương 3: CÁC KIỂU CHỮ**

Thời gian: 35 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng nhận biết các loại chữ cơ bản và cấu trúc cơ bản của từng loại chữ và những biến đổi.

#### **2. Nội dung chương:**

3.1 Kiểu chữ Roman

3.2 Kiểu chữ San-serif

3.3 Kiểu chữ viết tay và các kiểu chữ khác

- 3.4 Những cấu trúc cơ bản của chữ
- 3.5 Cấu trúc các thành phần của chữ
- 3.6 Cấu trúc và cách thiết kế các bộ chữ cơ bản
- 3.7 Sự biến đổi dạng chữ
- 3.8 Nguyên tắc viết chữ trong từ và trong câu.

## **Chương 4: VAI TRÒ CỦA CHỮ- NGHỆ THUẬT CHỮ TRONG THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

Thời gian: 25 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng hiểu được vai trò của chữ trong thiết kế đồ họa và áp dụng được các kiến thức đã học vào việc sử dụng chữ trong các mẫu thiết kế.

### **2. Nội dung chương:**

- 4.1 Chữ dùng trong thiết kế logo
- 4.2 Chữ trong thiết kế bìa sách
- 4.3 Chữ dùng trong thiết kế bao bì
- 4.4 Chữ dùng trong ấn phẩm văn phòng, nhận diện thương hiệu.
- 4.5 Chữ dùng trong thiết kế Poster, chữ dùng trong quảng cáo , trong nhà ngoài trời.

### **Ôn tập kết thúc môn học**

Thời gian: 5 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong người học được:

- Hệ thống và củng cố lại các kiến thức đã học ở các chương.
- Định hướng và mở rộng cho sinh viên hướng nghiên cứu, phát triển và xây dựng các bài tập nâng cao.

### **2. Nội dung chương:**

Nhắc lại các kiến thức trọng tâm đã nêu ở các chương.

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng máy tính.
- 2. Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy tính có nối mạng và cài đặt chương trình Corel Draw/ Adobe Illustrator, Netsupport School.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, viết lông, USB, bảng vẽ, giấy a3, chì, gồm
- 4. Các điều kiện khác: Micro, loa, máy lạnh, quạt.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **1. Nội dung:**

- Kiến thức:
  - + Trình bày các nguyên tắc, khái niệm và kỹ thuật của nghệ thuật sử dụng chữ
- Kỹ năng:
  - + Ứng dụng kiến thức trong bài học.
  - + Tạo được chữ một cách nghệ thuật phù hợp với sản phẩm được áp dụng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Các bài tập mở rộng và nâng cao.
  - + Thái độ cầu tiến và tự giác rèn luyện.
2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
  - Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Nêu phương pháp, nguyên lý...
  - + Sử dụng các công cụ mô phỏng để mô phỏng cho sinh viên các kỹ thuật tạo chữ trong mẫu thiết kế.
  - + Cho ví dụ và bài tập kết hợp mô phỏng các bài tập giúp cho người học dễ dàng tiếp thu kiến thức. Từ đó người học có thể tự học và tự xây dựng được các dạng chữ theo các kiến thức đã học.
  - Đối với người học:
  - + Cần chú ý nghe giảng, rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tự học, rèn luyện kỹ năng thực hành một cách nghiêm túc và tỉ mỉ.
  - + Ứng dụng các phương pháp, nguyên lý, quy tắc về tạo chữ...vào các mẫu sản phẩm.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
  - Cấu trúc và cách thiết kế các bộ chữ cơ bản.
  - Tạo chữ trong các loại mẫu thiết kế cơ bản
  - Tính sáng tạo trong nghệ thuật chữ.
4. Tài liệu tham khảo:
 

[1]. Lê Huy Văn, Trần Từ Thành, *Cơ sở tạo hình*, , NXB Mỹ Thuật, 2010

[2]. Tova Rabinowitz, *Exploring Typography (Khám phá Typography)*, NXB Bách khoa Hà Nội, 2015.
5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** NGUYÊN LÝ TẠO HÌNH

**Mã môn học:** TTT4153

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học cơ sở ngành, bố trí trước các môn chuyên ngành.
- Tính chất: Môn học bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: Khái quát được những vấn đề chính về
  - + Thị giác, nghệ thuật thị giác và ngôn ngữ thị giác, nguyên lý và định luật thị giác ứng dụng trong đồ họa
  - + Ánh sáng, tỉ lệ, đường nét, sắc độ, luật phối cảnh.
  - + Những kiến thức cơ bản về màu sắc, hòa sắc, biết cách tạo dựng một họa tiết, khái quát hóa kiến thức cơ bản về cách điệu hoa lá động vật
- Về kỹ năng:
  - + Áp dụng các kiến thức về hình họa, tỉ lệ vào trong những tác phẩm chuyên ngành, có giá trị thực tiễn
  - + Áp dụng các kiến thức về thị giác và trang trí vào các thể loại trang trí và vận dụng được sự sáng tạo vào việc thiết kế
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức trách nhiệm trong tác nghiệp thiết kế.
  - + Có khả năng nhận định giá trị các sản phẩm thiết kế ở góc độ chuyên môn và các yếu tố về mỹ thuật.
  - + Rèn luyện khả năng tự học, tư duy sáng tạo, tham gia tích cực vào giờ học.
  - + Phối hợp làm việc theo nhóm

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                      | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1: NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN VỀ NGUYÊN LÝ THỊ GIÁC | 3               | 3         |                                                      |          |
| 2     | Bài 2: ĐIỂM - ĐƯỜNG – NÉT - HÌNH - MÀNG        | 3               | 3         |                                                      |          |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học  | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|----------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                            | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 3                | Bài 3: MÀU SẮC             | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| 4                | Bài 4: VẼ HÌNH KHỐI CƠ BẢN | 18              | 3         | 14                                                   | 1        |
| 5                | Bài 5: VẼ TÌNH VẬT         | 15              | 2         | 12                                                   | 1        |
| <b>Tổng cộng</b> |                            | <b>45</b>       | <b>13</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### **Bài 1: NHỮNG ĐIỀU CƠ BẢN VỀ NGUYÊN LÝ THỊ GIÁC** Thời gian: 3 .giờ

1. Mục tiêu: Học xong phần này người học có khả năng cảm thụ nghệ thuật thị giác, áp dụng các nguyên lý và định luật thị giác vào ứng dụng đồ họa.

2. Nội dung bài:

1.1 Định nghĩa nguyên lý thị giác

1.2 Khái niệm Design:

1.3 Khác biệt giữa nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật thiết kế

1.4 10 Định luật thị giác

### **Bài 2: ĐIỂM - ĐƯỜNG – NÉT - HÌNH - MẢNG**

Thời gian: 3 .giờ

1. Mục tiêu: Học xong phần này người học có khả năng Nhận biết và áp dụng điểm, đường, nét, hình, mảng, diện và khối vào các sản phẩm đồ họa.

2. Nội dung bài:

1.1 Điểm

1.2 Đường - Nét

1.3 Hình - Mảng

1.4 Diện – Khối

### **Bài 3: MÀU SẮC**

Thời gian: 6 .giờ

1. Mục tiêu: Học xong phần này người học có khả năng nhận định hòa sắc và phối màu vào các mẫu thiết kế.

2. Nội dung bài:

1.1 Những vấn đề cơ bản về màu sắc

1.1.1 Vòng thuần sắc

1.1.2 10 định đề về màu sắc

- Màu hữu sắc

- Màu vô sắc

- Màu nóng

- Màu lạnh
- Màu tương sinh
- Màu tương đồng
- Màu tương phản
- Màu bổ túc
- Sắc độ
- Sắc điệu

## 1.2 Phương pháp pha màu

### 1.2.1 Pha màu cộng

### 1.2.2 Pha màu trừ

### 1.2.3 Các nguyên tắc phối màu cơ bản

- Phối màu không sắc (Achromatic)
- Phối màu đơn sắc (Monochromatic)
- Phối màu tương đồng (Analogous)
- Phối màu bổ túc (Complementary)
- Phối màu bổ túc từng phần (Split Complementary)
- Phối màu căn bản (Primary)
- Phối màu bổ túc cấp thứ ba (Tertiary)

## **Bài 4: VẼ HÌNH KHỐI CƠ BẢN**

Thời gian: 18 giờ

1. Mục tiêu: Học xong phần này người học có khả năng vẽ được các khối cơ bản
2. Nội dung bài:
  - 1.1 Nhập môn hình họa.
  - 1.2 Nghiên cứu hình khối cơ bản.
  - 1.3 Vẽ khối vuông và khối tròn.
  - 1.4 Vẽ khối trụ, khối chóp và khối lục giác

## **Bài 5: VẼ TĨNH VẬT**

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu: Học xong phần này người học có khả năng vẽ được các khối tĩnh vật.
2. Nội dung bài:
  - 1.1 Nghiên cứu hình tĩnh vật
  - 1.2 Vẽ lọ hoa sen có lá, gương sen và khăn trải bàn có họa tiết to.
  - 1.3 Vẽ chai thủy tinh có màu, ly nước trong, chum nhỏ.

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: phòng hình họa chuyên dụng
2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, tượng mẫu. giá vẽ, bảng vẽ.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng viết, phấn, bút lông, cọ, giá vẽ, bảng vẽ, giấy a3, chì, gôm, màu..
4. Các điều kiện khác: Tượng mẫu. giá vẽ, bảng vẽ:

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

- + Kiến thức: Trình bày lại các khái niệm bài học
- + Kỹ năng: Ứng dụng được các kiến thức trong bài học
- + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tự giác và chuyên cần.

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

**VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Học qua sản phẩm thiết kế ứng dụng cụ thể

- Đối với giáo viên, giảng viên: Trình bày kiến thức, phân tích mẫu, đặt vấn đề.

- Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các định luật về thị giác, phương pháp dựng hình và tỉ lệ, hòa sắc

4. Tài liệu tham khảo:

- Tóm tắt bài giảng của giảng viên phụ trách môn học

- Phương pháp tư duy & thực hành bố cục mỹ thuật - Method of thinking & on the composition on fine arts, Uyên Huy (Huỳnh Văn Mười), Mỹ thuật, 2013.

- Màu sắc và phương pháp sử dụng - Color & using method (Kèm đĩa CD) Uyên Huy (Huỳnh Văn Mười), NXB Lao động - Xã hội, 2009

- Cơ sở tạo hình, Lê Huy Văn, Trần Từ Thành, NXB Mỹ Thuật, 2010

- Nguyên lý design thị giác, Nguyễn Hồng Hưng, NXB ĐH Quốc gia TP HCM, 2012.

- Phát họa hình khối thạch cao, NXB Mỹ Thuật – 2010

- Giáo trình Trang Trí Tạ Phương Thảo Nxb Đại Học Sư Phạm 2010

Trang Web/CDs tham khảo

- <http://www.design.íastage.edu>

- <http://dohoavn.net>

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** Ý TƯỞNG SÁNG TẠO

**Mã môn học:** TTT4154

**Thời gian thực hiện môn học:** 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học song song với các môn học về phần mềm thiết kế và học trước các môn học về đồ án
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

Hiểu về ý tưởng sáng tạo và nắm được một số phương pháp, nguyên tắc phát triển tư duy sáng tạo cho người thiết kế

- Kỹ năng:

Phát huy được ý tưởng sáng tạo trong thiết kế.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng tự tìm tòi, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm liên quan đến môn học.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                           | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|-----------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Giới thiệu tổng quan môn học                        | 2               | 2         |                                                      |          |
| 2     | Phát triển tư duy sáng tạo                          | 8               | 6         | 2                                                    |          |
| 3     | Một số khái niệm cơ sở tạo hình                     | 8               | 6         | 2                                                    |          |
|       | Ôn tập và kiểm tra                                  | 2               |           | 1                                                    | 1        |
| 4     | Ý tưởng thiết kế trong ngành Đồ họa                 | 8               | 4         | 4                                                    |          |
| 5     | Quy trình hình thành ý tưởng sáng tạo               | 10              | 4         | 6                                                    |          |
|       | Ôn tập và thi giữa kỳ                               | 4               | 1         | 2                                                    | 1        |
| 6     | Vận dụng Ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế | 12              | 4         | 8                                                    |          |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|---------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
|                  | Ôn tập và kiểm tra        | 2               |           | 2                                                    |          |
|                  | Ôn tập cuối kỳ            | 4               | 1         | 3                                                    |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>60</b>       | <b>28</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: TỔNG QUAN MÔN HỌC

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV thực hiện được:

- Nắm được tổng thể mục tiêu và nội dung của môn học
- Biết được vai trò và tầm quan trọng của môn học
- Phương pháp học tập – nghiên cứu

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1. Giới thiệu mục tiêu và nội dung tổng quát của môn học

###### 2.1.1. Mục tiêu môn học

###### 2.1.2. Nội dung tổng quát môn học

##### 2.2. Vai trò và tầm quan trọng của môn học

##### 2.3. Phương pháp học tập – nghiên cứu đối với môn học

##### 2.4. Học liệu

### Bài 2: PHÁT TRIỂN TƯ DUY SÁNG TẠO

Thời gian: 8 giờ

#### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV sử dụng được:

- Nâng cao khả năng tư duy sáng tạo.
- Nắm được các quy luật phát huy ý tưởng sáng tạo

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1. Một số khái niệm.

###### 2.1.1. Tư duy sáng tạo là gì?

###### 2.1.2. Nâng cao khả năng tư duy sáng tạo.

##### 2.2. Một số quy luật giúp phát triển tư duy sáng tạo.

### Bài 3: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ SỞ TẠO HÌNH.

Thời gian: 8 giờ

#### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV có khả năng:

- Nắm được các khái niệm tạo hình, là cơ sở để hình thành ý tưởng trong thiết kế.

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1. Tỷ lệ và nhịp điệu.

###### 2.1.1. Tỷ lệ xuất phát trong thiên nhiên.

###### 2.1.2. Tỷ lệ vàng.

###### 2.1.3. Nhịp điệu.

##### 2.2. Tương Phản và Tương Tự.

###### 2.2.1. Tương phản.

###### 2.2.2. Tương tự.

### 2.3. Điểm, nét, diện.

2.3.1. Điểm, nét, diện trong tạo hình.

2.3.2. Hiệu quả rung.

2.3.3. Hiệu quả ảo.

### 2.4. Một số khái niệm về màu sắc.s

**Bài 4: Ý TƯỞNG THIẾT KẾ TRONG NGÀNH ĐỒ HỌA.** Thời gian: 8 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Giúp sinh viên hiểu biết về ý tưởng sáng tạo ở nhiều góc độ khác nhau trong thiết kế

#### **2. Nội dung bài:**

2.1. Ý tưởng là gì.

2.2. Ý tưởng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật

2.2.1. Các đặc tính của ý tưởng.

2.2.1.1 Tính tuyệt đối.

2.2.1.2. Tính liên kết và logic.

2.2.1.3. Tính mục đích và văn hóa địa phương.

2.2.2. Tính sáng tạo của ý tưởng.

2.2.2.1. Ý tưởng trong sáng tác.

2.2.2.2. Ý tưởng-chất riêng của người sáng tác.

2.2.2.3. Ý tưởng nhắm đến cảm thụ thẩm mỹ.

2.3. Ý tưởng trong thiết kế đồ họa.

2.3.1. Chức năng của ý tưởng trong thiết kế đồ họa.

2.3.2. Mục đích của ý tưởng.

2.4. Các phương thức thể hiện ý tưởng trong thiết kế đồ họa.

2.4.1. Góc nhìn hình ảnh.

2.4.2. Yếu tố thể hiện ý tưởng trong đồ họa.

2.5. Một số phương pháp thể hiện ý tưởng.

2.5.1. Ý tưởng thể hiện qua viết.

2.5.2. Ý tưởng thể hiện qua maket thô.

2.5.3. Ý tưởng qua kỹ năng phác tay.

2.5.4. Hoàn thiện ý tưởng: Sản phẩm.

**Bài 5: QUY TRÌNH HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG SÁNG TẠO** Thời gian: 10 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Nắm được quy trình hình thành nên ý tưởng sáng tạo trong thiết kế

#### **2. Nội dung bài:**

2.1. Đặt vấn đề

2.1.1 Các sự vật hiện tượng liên quan

2.1.2. Yếu tố về con người

2.2. Quy trình hình thành ý tưởng thiết kế

2.2.1. Đưa dữ kiện liên quan vào não bộ con người

2.2.2. Huấn luyện bộ não (thường suy nghĩ về vấn đề cần có ý tưởng)

2.2.3. Giai đoạn kết hợp các yếu tố cũ để hình thành ý tưởng mới ( Quá trình tiêu hóa của trí óc)

2.2.4. Giai đoạn hình thành ý tưởng mới

2.2.5. Định hình và phát triển ý tưởng cho phù hợp

## **Bài 6: VẬN DỤNG Ý TƯỞNG SÁNG TẠO TRONG NGHỆ THUẬT THIẾT KẾ**

Thời gian: 12 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết áp dụng ý tưởng sáng tạo vào trong thiết kế

### **2. Nội dung bài:**

2.1. Vận dụng ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế bao bì

2.1.1 Giới thiệu về bao bì

2.1.2. Vận dụng ý tưởng trong thiết kế bao bì

2.2. Vận dụng ý tưởng sáng tạo trong thiết kế bìa sách

2.2.1 Giới thiệu về bìa sách

2.2.2. Vận dụng ý tưởng trong thiết kế bìa sách

2.3. Vận dụng ý tưởng sáng tạo trong thiết kế logo

2.3.1 Giới thiệu về Logo

2.3.2. Vận dụng ý tưởng trong thiết kế Logo

2.4. Vận dụng ý tưởng sáng tạo trong thiết kế quảng cáo

2.4.1. Thiết kế Poster

2.4.2. Thiết kế bảng hiệu

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Phòng học chuyên môn hóa ,nhà xưởng: phòng học, phòng thực hành, máy tính, máy chiếu

2. Trang bị máy móc: hệ thống máy tính có kết nối mạng và có cài đặt các phần mềm thiết kế

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu, bảng bút lông, USB.

4. Các thiết bị khác: mic, loa, máy lạnh, quạt

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

– Kiến thức:

+ Các khái niệm về ý tưởng sáng tạo.

+ Các nguyên tắc để hình thành và phát triển ý tưởng

– Kỹ năng:

+ Áp dụng các quy tắc hình thành ý tưởng thiết kế

+ Phát huy ý tưởng sáng tạo vào thiết kế.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Các bài tập mở rộng và nâng cao.

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
- Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Dạy lý thuyết trực tiếp trên máy
  - + Cần có bộ bài tập theo chủ đề, các bài mẫu trước và sau khi học về ý tưởng sáng tạo.
  - Đối với người học:
  - + Cần chú ý rèn luyện cách hình thành nên ý tưởng sáng tạo và áp dụng khả năng sáng tạo vào trong thiết kế.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
- Ý tưởng sáng tạo và quy trình hình thành ý tưởng sáng tạo.
4. Tài liệu tham khảo:
- [1] Giáo trình môn Ý tưởng sáng tạo, Khoa TTT trường CDKT Lý Tự Trọng.
- [2] Những ý tưởng sáng tạo trong nghệ thuật thiết kế (Vận dụng hình ảnh tự nhiên), Gia Bảo, Tri thức Việt.
- [3] *Vận dụng hình ảnh hiện đại trong nghệ thuật thiết kế*. Gia Bảo
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỜNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** THIẾT KẾ WEB

**Mã môn học:** TTT4155

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học sau học phần photoshop
- Tính chất: Là một trong các học phần cơ sở. Môn học này yêu cầu phải có ý tưởng thiết kế giao diện web từ phần photoshop.

## II. Mục tiêu môn học:

### Mục tiêu

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có các kiến thức cơ bản như:
  - + Nắm vững tổng quan về thiết kế Web, các bước xây dựng một website trong thực tế, từ đó giúp cho sinh viên xây dựng một website theo yêu cầu thực tiễn.
  - + Nắm vững được ngôn ngữ HTML5 cũng như kết hợp với CSS3 để tạo nên một trang web đúng chuẩn.
  - + Cung cấp kiến thức javascript để lập trình tạo sự tương tác giữa trang web và người sử dụng.
- Kỹ năng:
  - + Sử dụng thành thạo phần Adobe Photoshop CS6, Adobe Dreamweaver CS6 để xây dựng website một cách hiệu quả và chuyên nghiệp
  - + Có khả năng tự tìm tòi, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm liên quan đến môn học.
- Năng lực tự chủ:
  - + Có khả năng tự tìm tòi, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm liên quan đến môn học.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                  | Tổng số tiết | Thời gian (giờ) |                                                      |          |
|-------|--------------------------------------------|--------------|-----------------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                            |              | Lý thuyết       | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | CHƯƠNG 1: HTML                             | 19           | 8               | 11                                                   | 0        |
|       | BÀI 1: GIỚI THIỆU HTML VÀ CÁC THẺ CƠ BẢN   | 4            | 2               | 2                                                    |          |
|       | BÀI 2: THẺ HÌNH ẢNH, LIÊN KẾT VÀ DANH SÁCH | 5            | 2               | 3                                                    |          |

| Số TT    | Tên các bài trong môn học                     | Tổng số tiết | Thời gian (giờ) |                                                      |          |
|----------|-----------------------------------------------|--------------|-----------------|------------------------------------------------------|----------|
|          |                                               |              | Lý thuyết       | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
|          | BÀI 3: BẢNG                                   | 5            | 2               | 3                                                    |          |
|          | BÀI 4: BIỂU MẪU                               | 5            | 2               | 3                                                    |          |
| <b>2</b> | <b>CHƯƠNG 2: CSS (STYLE SHEET)</b>            | <b>19</b>    | <b>7</b>        | <b>11</b>                                            | <b>1</b> |
|          | BÀI 5: TỔNG QUAN CSS                          | 4            | 1               | 3                                                    |          |
|          | BÀI 6: CÁC THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CƠ BẢN        | 7            | 4               | 3                                                    |          |
|          | BÀI 7: MÔ HÌNH HỘP TRONG CSS                  | 8            | 2               | 5                                                    | 1        |
| <b>3</b> | <b>CHƯƠNG 3: JAVASCRIPT</b>                   | <b>25</b>    | <b>10</b>       | <b>15</b>                                            | <b>0</b> |
|          | BÀI 8: TỔNG QUAN JAVASCRIPT                   | 8            | 2               | 6                                                    |          |
|          | BÀI 9: XÂY DỰNG KỊCH BẢN BẢNG JAVASCRIPT      | 8            | 4               | 4                                                    |          |
|          | BÀI 10: ĐỐI TƯỢNG VÀ SỰ KIỆN TRONG JAVASCRIPT | 9            | 4               | 5                                                    |          |
| <b>4</b> | <b>ÔN TẬP + KIỂM TRA</b>                      | <b>5</b>     | <b>0</b>        | <b>4</b>                                             | <b>1</b> |
| <b>5</b> | <b>CHƯƠNG 4: DREAMWEAVER</b>                  | <b>22</b>    | <b>3</b>        | <b>19</b>                                            |          |
|          | BÀI 11: GIỚI THIỆU DREAMWEAVER                | 8            | 1               | 7                                                    |          |
|          | BÀI 12: TRANG VÀ NỘI DUNG TRANG               | 6            | 1               | 5                                                    |          |
|          | BÀI 13: LÀM VIỆC VỚI CÁC FORM                 | 8            | 1               | 7                                                    |          |
|          | <b>TỔNG</b>                                   | <b>90</b>    | <b>28</b>       | <b>60</b>                                            | <b>2</b> |

## **2. Nội dung chi tiết:**

### **Chương 1: HTML**

Thời gian: 19 giờ

#### **1. Mục tiêu:** Sau khi học xong người học có khả năng:

- Sử dụng thông thạo các tag cơ bản trong HTML

#### **2. Nội dung chương:**

##### **Bài 1: GIỚI THIỆU HTML VÀ CÁC THẺ CƠ BẢN**

- 1.1. Các khái niệm cơ bản
- 1.2. Giới thiệu khái quát về Web
- 1.3. Cấu trúc tổng quát trong một trang web.
- 1.4. Các thẻ Html cơ bản
- 1.5. Hiện thị trang web lên trình duyệt

##### **Bài 2: THẺ HÌNH ẢNH, LIÊN KẾT VÀ DANH SÁCH**

- 2.1. Hình ảnh
- 2.2. Chèn âm thanh
- 2.3. Địa chỉ liên kết
- 2.4. Liên kết
- 2.5. Danh sách

##### **Bài 3: BẢNG**

- 3.1. Giới thiệu
- 3.2. Tạo bảng
- 3.3. Các thuộc tính của bảng
- 3.4. Các thuộc tính của cột
- 3.5. Các thuộc tính của ô
- 3.6. Các bảng lồng nhau

##### **Bài 4: BIỂU MẪU**

- 4.1. Giới thiệu biểu mẫu (Form)
- 4.2. Các phần tử nhập của Html

### **Chương 2: CSS (STYLE SHEET)**

Thời gian: 19 giờ

#### **1. Mục tiêu:** Sau khi học xong người học có khả năng:

Sử dụng CSS để định dạng các đối tượng trong trang Web. Thiết kế một Layout web với HTML và CSS

#### **2. Nội dung chương:**

##### **Bài 5: TỔNG QUAN CSS**

- 5.1. Giới thiệu
- 5.2. Phân loại
- 5.3. Các bộ chọn

##### **Bài 6: CÁC THUỘC TÍNH ĐỊNH DẠNG CƠ BẢN**

- 6.1. Định dạng nền trang
- 6.2. Định dạng ký tự
- 6.3. Float và Clear
- 6.4. Vị trí (Position)

## **Bài 7: MÔ HÌNH HỘP TRONG CSS**

- 7.1. Giới thiệu
- 7.2. Thuộc tính margin
- 7.3. Thuộc tính padding
- 7.4. Khung viền (Border)
- 7.5. Độ rộng (Width)

## **CHƯƠNG 3: JAVASCRIPT**

Thời gian: 25giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong người học có khả năng:
  - Sử dụng JavaScript để tương tác với các đối tượng trong trang HTML
2. **Nội dung chương:**

## **Bài 8: TỔNG QUAN JAVASCRIPT**

- 11.1. Giới thiệu
- 11.2. Khai báo và sử dụng javascript vào file html
- 11.3. Các lệnh cơ bản trong javascript

## **Bài 9: XÂY DỰNG KỊCH BẢN BẰNG JAVASCRIPT**

- 9.1. Kiểu dữ liệu
- 9.2. Biến
- 9.3. Lệnh và khối lệnh trong javascript
- 9.4. Biểu thức và toán tử trong javascript
- 9.5. Định nghĩa và phân loại biểu thức
- 9.6. Cấu trúc lập trình
- 9.7. Hàm

## **Bài 10: ĐỐI TƯỢNG VÀ SỰ KIỆN TRONG JAVASCRIPT**

- 10.1. Giới thiệu
- 10.2. Các đối tượng

## **Ôn tập + Kiểm tra**

Thời gian: 5 giờ

## **CHƯƠNG 4: DREAMWEAVER**

Thời gian: 22 giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong người học có khả năng:
  - Tạo và hiệu chỉnh các Template
  - Sử dụng Template để thiết kế Website
2. **Nội dung chương:**

## **Bài 11: GIỚI THIỆU DREAMWEAVER**

- 11.1. Giới thiệu và cài đặt
- 11.2. Giao diện sử dụng Dreamweaver
- 11.3. Tạo lập một website
- 11.4. Định dạng thuộc tính cho trang

## **Bài 12: TRANG VÀ NỘI DUNG TRANG**

- 12.1. Bố cục trang web bằng table
- 12.2. Xây dựng nội dung trang web
- 12.3. Liên kết

## **Bài 13: LÀM VIỆC VỚI CÁC FORM**

13.1. Giới thiệu

13.2. Tạo form trong Dreamweaver

13.3. Thêm các phần tử trong form

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng máy tính.
2. Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy tính có nối mạng và cài đặt Bài trình dịch ngôn ngữ C/C++, Netsupport School.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, viết lông, USB
4. Các điều kiện khác: Micro, loa, máy lạnh, quạt.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

– Kiến thức:

- + Nắm vững tổng quan về thiết kế Web, các bước xây dựng một website trong thực tế, từ đó giúp cho sinh viên xây dựng một website theo yêu cầu thực tiễn.
- + Nắm vững được ngôn ngữ HTML căn bản cũng như kết hợp với css để tạo nên một trang web đúng chuẩn.

Kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo phần Macromedia Dreamweaver để xây dựng website một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.

Cung cấp kiến thức javascript để lập trình tạo sự tương tác giữa trang web và người sử dụng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Các bài tập mở rộng và nâng cao.

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra / bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

– Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Khơi gợi lòng say mê, yêu thích công việc lập trình nói riêng và lĩnh vực công nghệ thông tin nói chung.
- + Không ngừng tìm tòi, học hỏi và trân trọng những thành quả sáng tạo trong kỹ thuật và công nghệ.

Đối với người học:

- + Cần chú ý rèn luyện cách phát biểu ý tưởng thuật toán trước khi bắt tay vào cài đặt.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nắm vững tổng quan về thiết kế Web, các bước xây dựng một website trong thực tế, từ đó giúp cho sinh viên xây dựng một website theo yêu cầu thực tiễn.
- Nắm vững được ngôn ngữ HTML căn bản cũng như kết hợp với css để tạo nên một trang web đúng chuẩn.

- Sử dụng thành thạo phần Macromedia Dreamweaver để xây dựng website một cách hiệu quả và chuyên nghiệp.
- Cung cấp kiến thức javascript để lập trình tạo sự tương tác giữa trang web và người sử dụng.

4. Tài liệu tham khảo:

**Sách giáo trình chính:**

- Võ Anh Trang, Giáo trình môn Thiết kế web cơ bản, CDKT Lý Tự Trọng, lưu hành nội bộ.

**Sách tham khảo:**

- Nguyễn Trường Sinh, Hướng dẫn thiết kế trang web tương tác bằng JavaScript, Nhà xuất bản Mũi Cà Mau.
- Lê Minh Hoàng, Thiết kế web với CSS, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.
- Nguyễn Trường Sinh, Macromedia Dreamweaver 8 – Phần cơ bản – tập 1, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.
- Nguyễn Trường Sinh, Flash cơ bản, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.
- Lê Minh Hoàng, Tự học thiết kế Web, NXB Lao Động, 2007.
- Nguyễn Trường Sinh, Hướng dẫn thiết kế trang web tương tác bằng JavaScript, Nhà xuất bản Mũi Cà Mau.
- Lê Minh Hoàng, Thiết kế web với CSS, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỜNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** QUAY PHIM CHỤP ẢNH KỸ THUẬT SỐ

**Mã môn học:** TTT4106

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học sau các môn học cơ sở
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  - + Trình bày được các bước của quá trình ghi nhận một bức ảnh của các máy phim và các máy kỹ thuật số hiện đại
  - + Trình bày được các khái niệm liên quan đến nhiếp ảnh: Khẩu độ, tốc độ, ISO, tiêu cự, ĐOF
  - + Có được các kiến thức cơ bản về quay phim
- Về kỹ năng:
  - + Sử dụng các chức năng cơ bản của một máy ảnh DSLR và có thể đọc hiểu được tài liệu hướng dẫn sử dụng
  - + Có thể thực hiện các thao tác chụp ảnh: Đo sáng, lấy nét, bố cục ảnh, điều chỉnh các thông số và chế độ chụp ảnh.
  - + Có thể quay được đoạn phim đơn giản
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức trách nhiệm trong tác nghiệp thiết kế.
  - + Rèn luyện khả năng tự học, tư duy sáng tạo.
  - + Phối hợp làm việc theo nhóm

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|---------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm Tra |
| 1     | Chương 1: MÁY ẢNH         | 9               | 6         | 3                                                    |          |
| 2     | Chương 2: NGUỒN SÁNG      | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| 3     | Chương 3: BỐ CỤC CHỤP ẢNH | 12              | 2         | 9                                                    | 1        |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|---------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm Tra |
| 4                | Chương 4: ẢNH PHONG CẢNH  | 9               | 1         | 7                                                    | 1        |
| 5                | Chương 5: ẢNH CHÂN DUNG   | 9               | 2         | 7                                                    |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>45</b>       | <b>13</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: MÁY ẢNH

Thời gian: 9 giờ

#### 1. Mục tiêu: Học xong phần này người học có khả năng

- Phân biệt được các loại máy ảnh.
- Thực hiện các thao tác cơ bản trên máy ảnh

#### 2. Nội dung chương:

- 1.1 Sơ lược về lịch sử hình thành nhiếp ảnh thế giới
- 1.2 Phân loại máy ảnh:
  - 1.2.1 Máy cơ: Chỉnh thao tác bằng tay, chụp bằng phim
  - 1.2.2 Máy điện tử: Tự động điều khiển các chức năng, chụp bằng phim
  - 1.2.3 Máy ảnh kỹ thuật số:
- 1.3 Thao tác máy ảnh :
  - 1.3.1 Tư thế cầm máy ảnh khung đứng:
  - 1.3.2 Tư thế cầm máy ảnh khung ngang
- 1.4 Các bộ phận của máy ảnh :
- 1.5 Máy ảnh khung ngắm thẳng (Rangefinder):
- 1.6 Tốc độ chụp của máy ảnh
- 1.7 Khẩu độ = Độ mở của cửa điều sáng
- 1.8 Máy ảnh kỹ thuật số
  - 1.8.1 Khái niệm về ảnh số :
  - 1.8.2 Nguyên tắc vận hành của máy ảnh số
  - 1.8.3 - Kích cỡ bộ cảm biến hình ảnh:
  - 1.8.4 Độ phân giải hình ảnh của nhiếp ảnh Kỹ thuật số :
  - 1.8.5 Các tính năng thông dụng
- 1.9 Giới thiệu một số tính năng chụp ảnh trên smart phone

### Chương 2: NGUỒN SÁNG

Thời gian: 6 giờ

#### 1. Mục tiêu: Học xong phần này người học có khả năng chọn vị trí của nguồn sáng

#### 2. Nội dung chương:

- 3.1 Hiệu quả của các hướng chiếu sáng:

- 3.2 Hướng sáng thuận:
- 3.3 Hướng xiên (Chếch  $\frac{1}{4}$ )
- 3.4 Hướng sáng bên
- 3.5 Hướng sáng chéo ngược
- 3.6 Hướng sáng ngược
- 3.7 Nguồn sáng nhân tạo:
  - 3.7.1 Đèn Tungsteng
  - 3.7.2 Đèn Néon
  - 3.7.3 Đèn Flash.

### **Chương 3: BỐ CỤC CHỤP ẢNH**

Thời gian: 12 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng áp dụng kiến thức để bố cục không gian ảnh chụp 1 cách hợp lý.

#### **2. Nội dung chương:**

- 3.1 Tỷ lệ vàng
- 3.2 Các cách làm nổi bật chủ đề
  - 3.2.1 Chủ đề có sắc độ sáng → bối cảnh đậm
  - 3.2.2 Chủ đề có sắc độ sậm → bối cảnh sáng
- 3.3 Đặc tính của các đường nét cơ bản:
  - 3.3.1 Đường thẳng đứng:
  - 3.3.2 Đường nằm ngang
  - 3.3.3 Đường cong
  - 3.3.4 Đường tổng hợp (gãy khúc):
- 3.4 Đặc tính các loại bố cục chính :
  - 3.4.1 Bố cục cân đối :
  - 3.4.2 Bố cục không cân đối
- 3.5 Các dạng bố cục :
  - 3.5.1 Các dạng tiền cảnh :
  - 3.5.2 Dạng hình học :
  - 3.5.3 Dạng chữ cái
  - 3.5.4 Tái bố cục : (bố cục lần 2)

### **Chương 4: ẢNH PHONG CẢNH**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng chụp được ảnh phong cảnh có giá trị thực tiễn.

#### **2. Nội dung chương:**

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Các loại ảnh phong cảnh
  - 4.2.1 Phong cảnh thiên nhiên

- 4.2.2 Phong cảnh sinh hoạt
- 4.2.3 Phong cảnh kiến trúc.
- 4.3. Kỹ thuật thực hiện
  - 4.3.1 Độ nhạy sáng ISO:
  - 4.3.2 Các ống kính :
  - 4.3.3 - Khung ảnh :
  - 4.3.4 - Khẩu độ của ống kính:
  - 4.3.5 - Tầm đặt máy
- 5.4. **Các hướng chiếu sáng**
  - 5.4.1 Hướng chiếu sáng thuận:
  - 5.4.2 - Hướng chiếu sáng xiên:
  - 5.4.3 - Hướng chiếu sáng ngược

## **Chương 5: ẢNH CHÂN DUNG**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Chụp được ảnh chân dung có giá trị nghệ thuật

**2. Nội dung chương:**

- 5.1 Khái niệm.
- 5.2 Các thể loại ảnh chân dung
  - 5.2.1 Ảnh chân dung lưu niệm
  - 5.2.2 Ảnh chân dung nghệ thuật
- 5.3 Kỹ thuật thực hiện
  - 5.3.1 Độ nhạy sáng ISO:
  - 5.3.2 Các ống kính :
  - 5.3.3 Khung ảnh
  - 5.3.4 Hậu cảnh:
  - 5.3.5 Điểm lấy nét
  - 5.3.6 Vị trí của chủ đề trên khung ảnh:
  - 5.3.7 Tầm đặt máy
  - 5.3.8 Góc độ chụp ,góc nhìn

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành máy tính, máy chiếu
- 2. Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy tính có nối mạng và cài đặt chương trình Photoshop, máy ảnh
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, viết lông, USB
- 4. Các điều kiện khác: Micro, loa, máy lạnh, quạt.

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- 1. Nội dung:

- + Kiến thức: Trình bày lại các khái niệm bài học
- + Kỹ năng: Ứng dụng được các kiến thức trong bài học, Tạo được các bức ảnh theo chủ đề.

- + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tự giác và chuyên cần.

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Học qua sản phẩm thiết kế ứng dụng cụ thể

- Đối với giáo viên: Đặt vấn đề, giảng giải, thuyết trình, minh họa, trình bày thao tác mẫu.

- Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra, ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật đã được học vào sản phẩm

3. Những trọng tâm cần chú ý: - Cấu trúc chính của 1 máy ảnh.

- Các kỹ thuật chụp ảnh

- Tính sáng tạo trong nghệ thuật chụp ảnh

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Ben Long, *Complete Digital Photography (Nhiếp ảnh cơ bản)*, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2018

[2]. Bùi Minh Sơn, *Đường vào nghệ thuật nhiếp ảnh (Nhiếp ảnh Cơ bản)*, NXB Hồng Đức, 2018

[3]. Bùi Minh Sơn, *Đường vào nghệ thuật nhiếp ảnh (Kỹ năng và sáng tạo)*, NXB Hồng Đức, 2018

[4]. Bùi Minh Sơn, *Đường vào nghệ thuật nhiếp ảnh (Ngôn ngữ hình ảnh)*, NXB Hồng Đức, 2018

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: XỬ LÝ ẢNH VỚI PHOTOSHOP**

**Mã môn học: TTT4156**

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học song song với môn học Tin học
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có các kiến thức cơ bản về xử lý ảnh với Adobe Photoshop như
  - + Các khái niệm về ảnh Bitmap
    - + Các thao tác trên vùng chọn
    - + Sử dụng các công cụ tô màu
    - + Chỉnh sửa hình ảnh, sử dụng các bộ lọc
- Kỹ năng:
  - + Sử dụng các lệnh tô màu, các chế độ hòa trộn màu
  - + Chỉnh sửa và hiệu chỉnh ảnh đen trắng, hiệu chỉnh ảnh màu.
- + Tạo nhiều hiệu ứng trên hình ảnh nhằm mô phỏng các kết cấu hay biến hóa hình ảnh phong phú hơn, sinh động hơn.
  - + Thiết kế giao diện cho trang Web.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có khả năng tự tìm tòi, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm liên quan đến môn học.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                     | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|-----------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                               | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Giới thiệu Photoshop                          | 1               | 1         |                                                      |          |
| 2     | Thao tác trên cửa sổ giao diện                | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| 3     | Thao tác trên vùng chọn                       | 9               | 3         | 6                                                    |          |
| 4     | Thao tác trên lớp – công cụ tô vẽ và tạo hình | 12              | 4         | 8                                                    |          |
|       | Ôn tập và kiểm tra                            | 3               |           | 2                                                    | 1        |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học     | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|-------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                               | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 5                | Công cụ màu tô                | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| 6                | Kênh (Channel), mặt nạ (Mask) | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| 7                | Hiệu chỉnh ảnh                | 9               | 3         | 6                                                    |          |
|                  | Ôn tập và thi giữa kỳ         | 5               | 1         | 3                                                    | 1        |
| 8                | Hiệu ứng chữ                  | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| 9                | Bộ lọc – Filter               | 9               | 3         | 6                                                    |          |
|                  | Ôn tập và kiểm tra            | 3               |           | 3                                                    |          |
| 10               | Công cụ Slice                 | 9               | 3         | 6                                                    |          |
|                  | Ôn tập cuối kỳ                | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                               | <b>90</b>       | <b>28</b> | <b>60</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: GIỚI THIỆU PHOTOSHOP

Thời gian: 1 giờ

#### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV thực hiện được:

- Biết cài đặt chương trình Photoshop, các thao tác trên tập tin, các khái niệm về ảnh bitmap.
- Thoát khỏi chương trình Photoshop

#### 2. Nội dung bài:

1. Giới thiệu photoshop
  - 1.1. Khái niệm
  - 1.2. Đặc điểm chương trình photoshop
2. Khái niệm về ảnh bitmap
  - 2.1. Khái niệm ảnh bitmap
  - 2.2. Khái niệm phần tử ảnh pixel
  - 2.3. Độ phân giải màn hình
  - 2.4. Độ phân giải tập tin
3. Cài đặt chương trình photoshop
  - 3.1. Yêu cầu phần cứng
  - 3.2. Phương pháp cài đặt
4. Khởi động chương trình photoshop
5. Giao diện cửa sổ chương trình photoshop
6. Các thao tác trên tập tin
7. Thoát khỏi chương trình photoshop

### Bài 2: THAO TÁC TRÊN CỬA SỔ GIAO DIỆN

Thời gian: 6 giờ

#### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV sử dụng được:

- Các công cụ trên cửa sổ giao diện, thao tác trên cửa sổ giao diện, thiết lập màn Background và Foreground, thay đổi kích thước ván vẽ, thay đổi kích thước hình ảnh.

## **2. Nội dung bài:**

1. Giới thiệu
2. Hộp công cụ
  - 2.1. Hộp công cụ
  - 2.2. Ghi chú
3. Thao tác trên cửa sổ giao diện
4. Thiết lập màu background và foreground
  - 4.1. Dùng palette washes
  - 4.2. Dùng palette color
  - 4.3. Dùng hộp color picker
5. Thao tác biến đổi hình ảnh
  - 5.1. Thay đổi tỉ lệ hiển thị hình ảnh
  - 5.2. Cuộn nhanh hình ảnh
  - 5.3. Thay đổi kích thước ảnh sử dụng lệnh images size
  - 5.4. Nhân bản cửa sổ canvas
  - 5.5. Phục hồi hình ảnh với lần lưu cuối cùng
  - 5.6. Trở về trạng thái bất kỳ của hình ảnh
6. Đóng cửa sổ canvas

## **Bài 3: THAO TÁC TRÊN VÙNG CHỌN**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Sử dụng các công cụ tạo vùng chọn, xác lập lại vị trí vùng chọn, xén hình ảnh, xoá ảnh bên trong vùng chọn.

## **2. Nội dung bài:**

1. Giới thiệu
2. Thao tác tạo vùng chọn.
  - 2.1 Thao tác chọn toàn bộ ảnh trên ván vẽ
  - 2.2. Chọn tất cả hình ảnh không trong suốt trên lớp
  - 2.3. Sử dụng nhóm marquee tool tạo vùng chọn
  - 2.4. Sử dụng nhóm lasso tool tạo vùng chọn
  - 2.5. Sử dụng công cụ magic wand tool tạo vùng chọn
  - 2.6. Sử dụng công cụ tạo văn bản
  - 2.7. Sử dụng màu tương đồng
  - 2.8. Sử dụng mặt nạ tạm
3. Thao tác hiệu chỉnh vùng chọn
  - 3.1. Chuyển đổi vùng chọn với kênh màu alpha
  - 3.2. Chuyển đổi vùng chọn với đường path
  - 3.3. Hiệu chỉnh độ nhoè quanh vùng chọn
  - 3.4. Sử dụng lệnh chức năng hiệu chỉnh vùng chọn
  - 3.5. Sử dụng phím chức năng

- 3.6. Di chuyển ranh giới vùng chọn
- 3.7. Thay đổi biên vùng chọn
- 4. Thao tác thôi chọn
- 5. Thao tác sao chép - di chuyển - xoá hình ảnh
  - 5.1. Phương pháp thao tác trực tiếp
  - 5.2. Phương pháp sử dụng clipboard
  - 5.3. Xoá hình ảnh trong vùng chọn
- 6. Lệnh extract hình ảnh
  - 6.1. Chức năng
  - 6.2. Thao tác thực hiện extract một hình ảnh
- 7. Thao tác biến đổi hình ảnh
  - 7.1 Thao tác xén hình ảnh
  - 7.2. Xoay ván vẽ
  - 7.3. Biến đổi hình ảnh bằng menu lệnh

#### **Bài 4: THAO TÁC TRÊN LỚP – CÔNG CỤ TÔ VẼ VÀ TẠO HÌNH**

Thời gian: 12 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết thao tác trên các layer, sử dụng công cụ Pentool, Shape tool, xác định mối quan hệ giữa path và vùng chọn

#### **2. Nội dung bài:**

- 1. Khái niệm lớp
- 2. Thao tác cơ bản trên lớp - layer
  - 2.1. Chọn lớp hiện hành
  - 2.2. Hiện ẩn layer
  - 2.3. Nhân bản layer
  - 2.4. Chuyển layer background thành layer thường
  - 2.5. Chuyển lớp hiện hành thành lớp background
  - 2.6. Tạo lớp ảnh
  - 2.7. Chỉ định lại thuộc tính của lớp
  - 2.8. Khoá khử khoá lớp
  - 2.9. Thay đổi thứ tự xếp lớp
  - 2.10. Tạo lớp liên kết lớp hiện hành
  - 2.11. Hiệu chỉnh lớp liên kết
  - 2.12. Phân bố lớp liên kết
  - 2.13. Trộn ép phẳng các lớp
  - 2.14. Tạo lớp mặt nạ
  - 2.15. Tạo lớp hiệu chỉnh
  - 2.16. Xoá layer
- 3. Sử dụng công cụ tô vẽ biên tập ảnh
  - 3.1. Các bước thực hiện
  - 3.2. Chức năng của các công cụ

4. Công cụ tạo hình pen tool
  - 4.1. Công cụ pen tool
  - 4.2. Công cụ freeform pen tool
  - 4.3. Add anchor point tool
  - 4.4. Delete anchor pen tool
  - 4.5. Convert point tool
5. Nhóm công cụ shape tool
  - 5.1. Công cụ rectangle
  - 5.2. Công cụ rounded rectangle tool
  - 5.3. Công cụ ellipse tool
  - 5.4. Công Cụ Polygon Tool
  - 5.5. Công Cụ Line Tool
  - 5.6. Công Cụ Custom Shape Tool
6. Mối quan hệ giữa đường path và vùng chọn
  - 6.1. Chuyển path thành vùng chọn
  - 6.2. Chuyển vùng chọn thành path
  - 6.3. Xoá path
  - 6.4. Vẽ phác theo path

## **Bài 5: CÔNG CỤ MÀU TÔ**

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết sử dụng bằng lệnh tô màu chuyển sắc bằng công cụ gradient tool, chế độ hòa trộn màu

### **2. Nội dung bài:**

1. Khái niệm mô hình màu.
  - 1.1. Khái niệm
  - 1.2. Mô hình màu HSB
  - 1.3. Mô hình màu RGB
  - 1.4. Mô hình màu CMYK
  - 1.5. Mô hình màu LAB
2. Chế độ màu
3. Nhóm công cụ lấy mẫu
  - 3.1. Công cụ eyedropper tool
  - 3.2. Công cụ color sampler tool
4. Tô đầy bằng lệnh fill
5. Vẽ phác bằng lệnh stroke
6. Tô màu chuyển sắc bằng công cụ gradient tool
  - 6.1. Tô màu dựa trên mẫu có sẵn
  - 6.2. Tạo mới mẫu tô gradient
7. Chế độ hoà trộn màu
  - 7.1. Khái niệm
  - 7.2. Các phương thức hoà trộn màu

## **Bài 6: KÊNH (CHANNEL), MẶT NẠ (MASK)**

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết sử dụng các thao tác trên kênh như: hiển thị, tách kênh...

### **2. Nội dung bài:**

1. Khái niệm kênh.
2. Các thao tác cơ bản trên kênh (channel)
  - 2.1. Hiển thị Channel Palette
  - 2.2. Xem kênh
  - 2.3. Chọn kênh
  - 2.4. Hiệu chỉnh kênh
  - 2.5. Thay đổi trật tự kênh trên Channel Palette
  - 2.6. Nhân bản kênh
  - 2.7. Tách kênh thành hình ảnh riêng biệt
  - 2.8. Trộn kênh
  - 2.9. Chuyển đổi kênh
  - 2.10. Xóa kênh
3. Thao tác nâng cao trên kênh (channel)
  - 3.1. Sử dụng kênh màu Alpha
  - 3.2. Chế độ mặt nạ (Mask)
  - 3.3. Khái niệm về chế độ mặt nạ
  - 3.4. Tạo mặt nạ tạm thời
  - 3.5. Chỉnh sửa mặt nạ tạm thời
  - 3.6. Lưu một vùng chọn thành mặt nạ
  - 3.7. Tải một mặt nạ làm vùng chọn

## **Bài 7: HIỆU CHỈNH ẢNH**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Sử dụng thành thạo các công cụ chỉnh sửa ảnh đen trắng, các lệnh chỉnh sửa và hiệu chỉnh ảnh đen trắng, hiệu chỉnh ảnh màu

### **2. Nội dung bài:**

1. Các công cụ chỉnh sửa hình ảnh
  - 1.1. Công cụ Clone stamp
  - 1.2. Công cụ Pattern stamp
  - 1.3. Công cụ Blur
  - 1.4. Công cụ Sharpen
  - 1.5. Công cụ Smudge
  - 1.6. Công cụ Dodge
  - 1.7. Công Cụ Burn
  - 1.8. Công Cụ Sponge
2. Các lệnh liên quan để hiệu chỉnh sáng tối
  - 2.1. Lệnh Level
  - 2.2. Lệnh Auto Level

- 2.3. Biểu đồ Histogram
- 2.4. Lệnh Curves
- 2.5. Lệnh Brightness / Contrast
- 3. Các lệnh chỉnh sửa màu sắc
- 3.1. Lệnh Color Balance
- 3.2. Lệnh Hue/ Saturation
- 3.3. Lệnh Desaturate
- 3.4. Lệnh Replace Color
- 3.5. Lệnh Selective Color
- 3.6. Lệnh Channel Mixer
- 3.7. Lệnh Invert
- 3.8. Lệnh Equalize
- 3.9. Lệnh Threshold
- 3.10. Lệnh Posterize
- 3.11. Lệnh Variations

## **Bài 8: HIỆU ỨNG CHỮ**

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Sử dụng thành thạo các hiệu ứng chữ, biết cách tạo văn bản, các loại chữ uốn cong

### **2. Nội dung bài:**

- 1. Khái niệm về văn bản
- 2. Phương pháp tạo văn bản
- 3. Các hiệu ứng về chữ
- 3.1. Drop shadow
- 3.2. Inner shadow
- 3.3. Outer glow
- 3.4. Inner glow
- 3.5. Bevel and emboss
- 3.6. Các loại hiệu ứng khác
- 4. Các loại chữ uốn cong

## **Bài 9: BỘ LỌC – FILTER**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết sử dụng thành thạo bộ lọc, để tạo nhiều hiệu ứng trên hình ảnh nhằm mô phỏng các kết cấu hay biến hóa hình ảnh phong phú hơn, sinh động hơn.

### **2. Nội dung bài:**

- 1. Giới thiệu
- 2. Phương pháp áp dụng bộ lọc
- 2.1. Nhóm Artistic,
- 2.2. Nhóm Blur
- 2.3. Nhóm Brush Stroke
- 2.4. Nhóm Distort
- 2.5. Nhóm Noise

- 2.6. Nhóm Pixelate
- 2.7. Nhóm Render
- 2.8. Nhóm Sharpen
- 2.9. Nhóm Sketch
- 2.10. Nhóm Stylize
- 2.11. Nhóm Texture
- 2.12. Nhóm Video
- 2.13. Nhóm Other

## **Bài 10: CÔNG CỤ SLICE**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Sử dụng công cụ slice để cắt layout hỗ trợ cho thiết kế trang web.

### **2. Nội dung bài:**

- 1. Khái niệm Slice
- 2. Công cụ slice
  - 2.1. Tạo slice
  - 2.2. Chọn slices và thiết lập thuộc tính cho slice
  - 2.3. Tạo slices trên layer
  - 2.4. Tối ưu hóa và lưu slice

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng máy tính
- 2. Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy tính có nối mạng và cài đặt phần mềm Adobe Photoshop, Netsupport School
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu Photoshop.
- 4. Các điều kiện khác:

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- 1. Nội dung:
  - Kiến thức:
    - + Các khái niệm về ảnh Bitmap, xử lý ảnh.
    - + Các vùng chọn.
  - Kỹ năng:
    - + Sử dụng các lệnh tô màu, các chế độ hòa trộn màu
    - + Chỉnh sửa và hiệu chỉnh ảnh đen trắng, hiệu chỉnh ảnh màu.
    - + Tạo nhiều hiệu ứng trên hình ảnh nhằm mô phỏng các kết cấu hay biến hóa hình ảnh phong phú hơn, sinh động hơn.
    - + Thiết kế giao diện cho trang Web.
  - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Các bài tập mở rộng và nâng cao.
- 2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

- 1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.
- 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Dạy lý thuyết trực tiếp trên máy
  - + Cần có bộ bài tập theo chủ đề, các bài mẫu trước và sau khi xử lý ảnh.
  - Đối với người học:
  - + Cần chú ý rèn luyện cách phân tích hình ảnh trước khi xử lý.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
- Các thao tác trên lớp, công cụ màu tô, khái niệm kênh, công cụ chỉnh sửa ảnh, bộ lọc.
4. Tài liệu tham khảo:
- [1] Giáo trình môn Photoshop, Khoa TTT trường CĐKT Lý Tự Trọng.
- [2] Giáo trình Photoshop, Nguyễn Phương Lan, Trường ĐHKHTN, TP. HCM.
- [3] Lưu Hoàng Ly, Giáo trình Photoshop CS8.
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: CHẾ BẢN VỚI INDESIGN**

**Mã môn học: TTT4101**

**Thời gian thực hiện môn học:** 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí sau các môn cơ sở ngành
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  - + Khái quát được những vấn đề chính của lĩnh vực chế bản và dàn trang sách báo tạp chí.
  - + Khai thác và sử dụng phần mềm thiết kế Adobe Indesign
- Về kỹ năng:
  - + Sử dụng được phần mềm thiết kế Adobe Indesign
  - + Áp dụng các kiến thức về chế bản, dàn trang vào trên bìa sách, tạp chí có giá trị thực tiễn.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức trách nhiệm trong tác nghiệp thiết kế.
  - + Rèn luyện khả năng tự học, tư duy sáng tạo.
  - + Có khả năng tự học, chủ động kết hợp các phần mềm thiết kế khác trong thiết kế sản phẩm
  - + Phối hợp làm việc theo nhóm

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                                      | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|----------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1: TỔNG QUAN DÀN TRANG ĐIỆN TỬ VÀ GIAO DIỆN ADOBE INDESIGN | 6               | 3         | 3                                                    |          |
| 2     | Bài 2: TẠO VÀ ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN                                | 15              | 9         | 6                                                    |          |
| 3     | Bài 3: MÀU SẮC VÀ CÁCH SỬ DỤNG MÀU TRONG DÀN TRANG             | 6               | 3         | 3                                                    |          |
| 4     | Bài 4: HỆ THỐNG CÔNG CỤ                                        | 18              | 8         | 10                                                   |          |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học                         | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|---------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                                                   | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
|                  | và kết hợp tạo hình trong DÀN TRANG TRÊN INDESIGN |                 |           |                                                      |          |
| 5                | Bài 5: HÌNH ẢNH TRONG KỸ THUẬT DÀN TRANG          | 9               | 5         | 3                                                    | 1        |
| 6                | Bài 6: ĐỊNH DẠNG TRANG, LƯU VÀ XUẤT FILE          | 3               | 0         | 3                                                    |          |
| 7                | Ôn tập và kiểm tra                                | 3               |           | 2                                                    | 1        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                   | <b>60</b>       | <b>28</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: TỔNG QUAN DÀN TRANG ĐIỆN TỬ VÀ GIAO ADOBE INDESIGN

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng sử dụng được giao diện của phần mềm Indesign

#### 2. Nội dung bài:

2.1. Tổng quan về kỹ thuật dàn trang điện tử.

2.2. Giao diện phần mềm.

2.3. Hộp công cụ.

2.4. Quan sát tài liệu

### Bài 2 : TẠO VÀ ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

Thời gian: 15 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng tạo văn bản, định dạng trên phần mềm Indesign.

#### 2. Nội dung bài:

2.1. Tạo văn bản trên Indesign

2.1.1. Tạo văn bản bằng công cụ text.

2.1.2. Nhập văn bản từ các phần mềm soạn thảo văn bản khác .

2.2. Định dạng văn bản.

2.2.1. Định dạng văn bản bằng thanh Controlpalette

2.2.2. Định dạng văn bản bằng hộp thoại Style

2.2.3. Tạo cột cho ấn phẩm

2.2.3.1. Tìm hiểu trình quản lý cột Grid Manager

2.2.3.2. Phương pháp tạo khối văn bản và ứng dụng khối

2.2.3.3. Sự liên kết giữa các cột và khối văn bản

### Bài 3 MÀU SẮC VÀ CÁCH SỬ DỤNG MÀU TRONG DÀN TRANG

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng tạo màu mới, áp đặt màu lên đối tượng xử lý

## **2. Nội dung bài:**

- 2.1 Ý nghĩa các mode màu trong InDesign, ứng dụng của chúng trong in ấn
- 2.2 Thiết lập màu mới và áp đặt màu cho đối tượng trong ấn phẩm.
- 2.3 Thiết lập màu
- 2.4 Áp đặt màu cho đối tượng trong ấn phẩm

## **Bài 4 : HỆ THỐNG CÔNG CỤ DÀN TRANG TRÊN INDESIGN Thời gian: 18 giờ**

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng sử dụng tốt các công cụ hỗ trợ dàn trang trên Indesign

## **2. Nội dung bài:**

- 2.1 Hộp công cụ trong dàn trang.
- 2.2 Nhóm công cụ tạo hình
  - 2.2.1 Pencil tool
  - 2.2.2 Ellipse tool
  - 2.2.3 Rectangle tool
  - 2.2.4 Polygon tool
  - 2.2.5 Frame tool
  - 2.2.6 Pen tool
  - 2.2.7 Các công cụ khác

2.3 Công cụ chứa văn bản

2.4 Công cụ khác

## **Bài 5 : HÌNH ẢNH VÀ SỬ DỤNG HÌNH ẢNH TRONG KỸ THUẬT DÀN TRANG**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng Sử dụng và xử lý tốt hình ảnh trên Indesign

## **2. Nội dung bài:**

- 2.1. Các dạng thức file ảnh sử dụng trên Indesign.
- 2.2. Định dạng hình ảnh.
- 2.1. Bố cục và dàn trang hình ảnh với text

## **Bài 6 : ĐỊNH DẠNG TRANG CHỦ, LƯU VÀ XUẤT FILE Thời gian: 3 giờ**

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng sử dụng định dạng trang trên Indesign. Tạo và xử lý trang chủ (Master page)

## **2. Nội dung bài:** Hộp công cụ trong dàn trang.

- 2.1. Định dạng trang
- 2.2. Sắp xếp thứ tự các trang
- 2.3. Đánh số thứ tự trang
- 2.4. Trang chủ
- 2.5. Liên kết file thành sách
- 2.6. Tạo mục lục sách

## **ÔN TẬP**

Thời gian: 3 giờ

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành máy tính, máy chiếu
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính và các phần mềm thiết kế: Indesign, Illustrator, Photoshop..
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các mẫu thiết kế để phân tích, nhận định và đánh giá
4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

Nội dung:

- + Kiến thức: Trình bày các nguyên tắc, khái niệm và kỹ thuật của bài học
  - + Kỹ năng: Ứng dụng được các kiến thức trong bài học trong thiết kế các sản phẩm dàn trang
  - + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tự giác và chuyên cần.
2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
  - Đối với giáo viên, giảng viên: Đặt vấn đề, trình bày thao tác mẫu, thuyết trình..
  - Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra, : ứng dụng các phương pháp, nguyên lý, quy tắc... vào sản phẩm.
3. Những trọng tâm cần chú ý: kỹ năng thiết kế trong in ấn và dàn trang.
4. Tài liệu tham khảo:
  - Roger C.Parker, *Design & layout. Vol.1 : Thiết kế - Tạo mẫu & Dàn trang* NXB Trẻ, 2003.
  - Chris Botello, *Adobe InDesign CS6-Revealed* (Khám phá Adobe InDesign- Thiết kế dàn trang cơ bản, nâng cao), NXB Bách Khoa Hà Nội, 2015

Trang website :

- <https://dohoavn.net>
- <https://vietdesigner.net>
- <https://www.pinterest.com>

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA VỚI ILLUSTRATOR**

**Mã môn học: TTT499**

**Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ;** (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## **I. Vị trí, tính chất của môn học:**

- Vị trí: Học sau các môn học cơ sở
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## **II. Mục tiêu môn học:**

- Về kiến thức:
  - + Có kiến thức về đồ họa vector
  - + Khai thác và sử dụng phần mềm thiết kế Adobe Illustrator
- Về kỹ năng:
  - + Sử dụng được phần mềm thiết kế Adobe Illustrator
  - + Ứng dụng vẽ tạo, thiết kế các mẫu sản phẩm ứng dụng trên Adobe Illustrator
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức trách nhiệm trong tác nghiệp thiết kế.
  - + Rèn luyện khả năng tự học, tư duy sáng tạo.
  - + Có khả năng tự học, sử dụng các phần mềm thiết kế khác
  - + Phối hợp làm việc theo nhóm

## **III. Nội dung môn học:**

### **1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:**

| Số TT | Tên các bài trong môn học                                 | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|-----------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỒ HỌA VECTOR                         | 3               | 2         | 1                                                    |          |
| 2     | Bài 2: GIAO DIỆN VÀ THIẾT LẬP CÁC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TRÊN AI | 6               | 3         | 3                                                    |          |
| 3     | Bài 3: HỆ THỐNG CÔNG CỤ THIẾT KẾ                          | 15              | 6         | 9                                                    |          |
| 4     | Bài 4: HỆ THỐNG CÁC HIỆU ỨNG, CÁC LỆNH XỬ LÝ              | 15              | 9         | 5                                                    | 1        |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học                 | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|-------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 5                | Bài 5: Màu sắc và các giải pháp tô màu    | 9               | 3         | 6                                                    |          |
| 6                | Bài 6: KÍ TỰ - XỬ LÝ KÍ TỰ TRÊN ĐỒ HỌA 2D | 9               | 3         | 5                                                    | 1        |
| 7                | Bài 7: XUẤT NHẬP FILE, CHẾ BẢN, IN ẤN     | 3               | 2         | 1                                                    |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                           | <b>60</b>       | <b>28</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỒ HỌA VECTOR

Thời gian: 3 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Phân biệt được đồ họa vector và đồ họa bitmap.
- Trình bày được vai trò và ứng dụng của AI trong thiết kế

#### 2. Nội dung bài:

- 2.1. Tổng quan
- 2.2. Vai trò của mỹ thuật trong thiết kế ứng dụng

### Bài 2: GIAO DIỆN VÀ THIẾT LẬP CÁC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TRÊN ADOBE ILLUSTRATOR

Thời gian: 6 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Mô tả được giao diện AI.
- Thiết lập được các chế độ làm việc trong cửa sổ thiết kế
- Sử dụng các công cụ để thao tác trên các đối tượng

#### 2. Nội dung bài:

##### 2.1 Giao diện

- 2.1.1 Các thành phần của cửa sổ làm việc.
- 2.1.2 Các thao tác về File

##### 2.2 Thiết lập các chế độ làm việc.

- 2.2.1 Định trang.
- 2.2.2 Thước, giống, lưới
- 2.2.3 Các chế độ hiển thị.

##### 2.3 Thao tác với đối tượng

- 2.3.1 Chọn đối tượng bằng công cụ
- 2.3.2 Chọn đối tượng bằng menu
- 2.3.3 Group và Ungroup

2.3.4 Lock và Hide

2.3.5 Định vị đối tượng

### **Bài 3: HỆ THỐNG CÔNG CỤ THIẾT KẾ**

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:
3. Sử dụng và xác định rõ chức năng của các công cụ tạo đối tượng cơ bản trong AI.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Nhóm công cụ vẽ nét, tạo hình
    - 2.1.1 Các dạng hình học cơ bản
    - 2.1.2 Đường cong
    - 2.1.3 Các công cụ vẽ cơ bản và các hộp thoại kết hợp
      - 2.1.3.1 Cọ
      - 2.1.3.2 Cách tạo Cọ mới
      - 2.1.3.3 Các công cụ vẽ cơ bản khác
    - 2.1.4 Symbol
      - 2.1.4.1 Symbol palette
      - 2.1.4.2 Nhóm công cụ Symbol
  - 2.2 Nhóm công cụ tạo và xử lý kí tự.
    - 2.2.1 Type tool
    - 2.2.2 Area Type tool
    - 2.2.3 Type on a path tool
    - 2.2.4 Vertical Type tool
    - 2.2.5 Area Vertical Type tool
    - 2.2.6 Vertical Type on a path tool
  - 2.3 Nhóm công cụ tô màu
    - 2.3.1 Thuộc tính màu
    - 2.3.2 Fill
    - 2.3.3 Blend

### **Bài 4: HỆ THỐNG CÁC HIỆU ỨNG, CÁC LỆNH XỬ LÝ**

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:
4. Sử dụng và xác định rõ chức năng của các công cụ xử lý đối tượng và tạo các hiệu ứng trong AI.
2. Nội dung bài:
  - 2.1 Nhóm lệnh xử lý, kết hợp đối tượng
    - 2.1.1 Path
    - 2.1.2 Compound path
    - 2.1.3 Tịnh tiến
    - 2.1.4 Co dẫn

- 2.1.5 Đối xứng
- 2.1.6 Nghiêng
- 2.1.7 Live Distortion
- 2.1.8 Liquify tool
- 2.2 Nhóm công cụ hiệu ứng
  - 2.2.1 Filter
    - 2.2.1.1 Nhóm Create
    - 2.2.1.2 Nhóm Distort
    - 2.2.1.3 Nhóm Stylize
    - 2.2.1.4 Nhóm Artistic
    - 2.2.1.5 Nhóm Blur
    - 2.2.1.6 Nhóm hiệu ứng khác
  - 2.4.2. Effect
    - 2.4.2.1 3D
    - 2.4.2.2 Wrap
    - 2.4.2.3 Nhóm hiệu ứng khác

## **Bài 5: MÀU SẮC VÀ CÁC GIẢI PHÁP TÔ MÀU**

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:
  - Xác định rõ chức năng của các công cụ xử lý màu sắc.
  - Áp dụng thuần thục các giải pháp tô màu trong quá trình thiết kế.
2. Nội dung bài:
  - 2.1. Màu sắc trong đồ họa vector
  - 2.2. Các giải pháp tô màu
    - 2.2.1 Đơn sắc
    - 2.2.2 Chuyển sắc
    - 2.2.3 Lưới

## **Bài 6: KÍ TỰ - XỬ LÝ KÍ TỰ TRÊN ĐỒ HỌA 2D**

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:
  - Xác định rõ chức năng của các lệnh về ký tự.
  - Vận dụng kiến thức để thiết kế các đối tượng text mang tính nghệ thuật, ấn tượng.
2. Nội dung bài:
  - 2.1 Phân dạng ký tự.
  - 2.2 Công cụ và lệnh xử lý ký tự
    - 2.2.1 Định dạng văn bản
    - 2.2.2 Menu Type
    - 2.2.3 Text Wrap

1. Mục tiêu:
5. Thực hiện được thao tác nhập file, xuất file
6. Xác định rõ công việc chế bản.
7. Xác định rõ chức năng của các lệnh về in.

2. Nội dung bài:

2.1 Nhập file, xuất file

2.2 Chế bản

2.3 In

**IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành máy tính, máy chiếu

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính và các phần mềm thiết kế

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các mẫu thiết kế để phân tích, nhận định và đánh giá

4. Các điều kiện khác:

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

- + Kiến thức: Trình bày lại các khái niệm bài học
- + Kỹ năng: Ứng dụng được các kiến thức trong bài học
- + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tự giác và chuyên cần.

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

**VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Học qua sản phẩm thiết kế ứng dụng cụ thể

- Đối với giáo viên: Đặt vấn đề, giảng giải, thuyết trình, minh họa, trình bày thao tác mẫu.

- Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra, ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật đã được học vào sản phẩm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Cách sử dụng màu sắc, bố cục, chữ và ý tưởng sáng tạo trong từng mẫu thiết kế

4. Tài liệu tham khảo:

- Tóm tắt bài giảng của giảng viên phụ trách môn học
- *Giáo trình Adobe Illustrator CS6*, trung tâm tin học ĐH KHTN.
- Chris Botello, *Adobe Illustrator CS6-Revealed (Khám phá Adobe Illustrator)*, NXB

Bách Khoa Hà Nội, 2015

- Trang Web/CDs tham khảo

+ <http://www.design.íastage.edu>

+ <http://dohoavn.net>

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** THIẾT KẾ ĐỒ HỌA VỚI COREL DRAW

**Mã môn học:** TTT4157

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học chuyên ngành
- Tính chất: Cung cấp kiến thức tổng quan về đồ họa vector, về hệ thống giao diện và cách thiết lập các chế độ làm việc trên Corel Draw, hệ thống công cụ thiết kế, hệ thống các hiệu ứng, các lệnh xử lý, màu sắc và các giải pháp tô màu, kí tự - xử lý kí tự trên đồ họa 2d, xuất nhập file, chế bản, in ấn.

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên đạt được những kiến thức sau:
- + Nghiên cứu về đồ họa vector, tiếp cận với các công cụ, kỹ thuật thiết kế thông qua phần mềm Corel Draw.
- + Làm việc với Corel Draw từ đơn giản đến nâng cao một cách chuyên nghiệp
- Kỹ năng:
- + Áp dụng vẽ tạo, thiết kế các vật dụng, sản phẩm đồ họa vector có giá trị thực tiễn.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Phát huy tính tự học và sáng tạo, tham gia tích cực vào giờ học.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                                         | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|-------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                                   | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1:TỔNG QUAN VỀ ĐỒ HỌA VECTOR                                  | 1               | 1         |                                                      |          |
| 2     | Bài 2: GIAO DIỆN VÀ THIẾT LẬP CÁC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TRÊN COREL DRAW | 2               | 2         |                                                      |          |
| 3     | Bài 3: HỆ THỐNG CÔNG CỤ THIẾT KẾ.                                 | 9               | 3         | 6                                                    |          |
| 4     | Bài 4: HỆ THỐNG CÁC HIỆU ỨNG, CÁC LỆNH XỬ LÝ                      | 9               | 3         | 6                                                    |          |
| 5     | Bài 5: MÀU SẮC VÀ CÁC GIẢI PHÁP TÔ MÀU                            | 6               | 1         | 4                                                    | 1        |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học                                      | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 6                | Bài 6: KÍ TỰ - XỬ LÝ KÍ TỰ TRÊN ĐỒ HỌA 2D                      | 6               | 2         | 4                                                    |          |
| 7                | BÀI 7 : HIỆU ỨNG POWERCLIP, ENVELOPE VÀ DISTORT                | 3               |           | 3                                                    |          |
| 8                | BÀI 8: HIỆU ỨNG BLEND, CONTOUR, DROP SHADOW VÀ ADD PERSPECTIVE | 3               |           | 2                                                    | 1        |
| 9                | BÀI 9: HIỆU ỨNG EXTRUDE, LENS VÀ CÁC HIỆU ỨNG KHÁC             | 3               | 1         | 2                                                    |          |
| 10               | BÀI 10: XUẤT NHẬP FILE, IN ẤN - ÔN- KẾT THÚC MÔN HỌC           | 3               |           | 3                                                    |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                | <b>45</b>       | <b>13</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### **Bài 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỒ HỌA VECTOR**

Thời gian: 1 giờ

#### **1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Phân biệt được đồ họa vector và đồ họa bitmap.
- Trình bày được vai trò và ứng dụng của đồ họa vector trong thiết kế:

#### **2. Nội dung bài:**

1.1 Giới thiệu về đồ họa vector

1.2 Vai trò và ứng dụng của đồ họa vector trong lĩnh vực thiết kế

### **Bài 2: GIAO DIỆN VÀ THIẾT LẬP CÁC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TRÊN COREL DRAW**

Thời gian: 2 giờ

#### **1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng.

- Mô tả được giao diện Corel.
- Thiết lập được các chế độ làm việc trong cửa sổ thiết kế.
- Sử dụng các công cụ để thao tác trên các đối tượng.

#### **2. Nội dung chương:**

2.1 Giao diện

2.1.1 Các thành phần của cửa sổ làm việc.

2.1.2 Các thao tác về File

2.2 Thiết lập các chế độ làm việc.

2.2.1 Định trang.

2.2.2 Thuộc, giống, lưới

### 2.2.3 Các chế độ bắt dính.

## **Bài 3: HỆ THỐNG CÔNG CỤ THIẾT KẾ**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng Sử dụng và xác định rõ chức năng của các công cụ tạo đối tượng cơ bản trong Corel.

### **2. Nội dung chương:**

#### 3.1 Nhóm công cụ vẽ nét, tạo hình.

3.1.1 Thao tác chọn, phóng to, thu nhỏ đối tượng.

3.1.2 Công cụ vẽ đối tượng cơ bản

3.1.3 Công cụ vẽ tự do.

3.1.4 Công cụ Bezier

3.1.5 Công cụ vẽ mỹ thuật.

3.1.6 Công cụ Pen.

3.1.7 Các công cụ khác

#### 3.2 Nhóm công cụ tạo và xử lý kí tự.

#### 3.3 Nhóm công cụ tô màu

#### 3.4 Nhóm công cụ hiệu ứng

#### 3.5 Nhóm công cụ hỗ trợ khác

3.5.1 Layer

3.5.2 Calendar.

## **Bài 4: HỆ THỐNG CÁC HIỆU ỨNG, CÁC LỆNH XỬ LÝ**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng sử dụng và xác định rõ chức năng của các công cụ xử lý đối tượng và tạo các hiệu ứng trong Corel.

### **2. Nội dung chương:**

#### 4.1 Nhóm lệnh định hướng, định vị đối tượng

4.1.1 Transformation

4.1.2 Align và Distribute

#### 4.2 Nhóm lệnh xử lý, kết hợp đối tượng.

4.2.1 Group, Ungroup và Ungroup all

4.2.2 Combine

4.2.3 Break apart.

4.2.4 Lock, unlock, unclock all Object.

4.2.5 Shaping

4.2.5.1 Weld

4.2.5.2 Trim

4.2.5.3 Intersect

4.2.5.4 Simplify

4.2.5.5 Front minus Back

4.2.5.6 Back minus Front

4.2.6 Convert to Curves

4.2.7 Convert outline to Object

#### 4.2.8 Close path.

### **Bài 5: MÀU SẮC VÀ CÁC GIẢI PHÁP TÔ MÀU**

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Xác định rõ chức năng của các công cụ xử lý màu sắc.
- Áp dụng thuần thục các giải pháp tô màu trong quá trình thiết kế.

**2. Nội dung chương:**

5.1. Màu sắc trong đồ họa vector

5.2. Màu nền và đường viền

5.2.1 Màu nền

5.2.1.1 Tô màu đồng nhất

5.2.1.1 Tô màu chuyển sắc

5.2.1.1 Tô màu theo mẫu

5.2.2 Màu đường viền

5.2.3 Tô màu lưới.

### **Bài 6: KÍ TỰ - XỬ LÝ KÍ TỰ TRÊN ĐỒ HỌA 2D**

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Xác định rõ chức năng của các lệnh về ký tự.
- Vận dụng kiến thức để thiết kế các đối tượng text mang tính nghệ thuật, ấn tượng

**2. Nội dung chương:**

6.1 Phân dạng ký tự.

6.2 Công cụ và lệnh xử lý ký tự

6.2.1 Menu Text

6.2.2 Các lệnh thuộc menu Text

### **Bài 7 : HIỆU ỨNG POWERCLIP, ENVELOPE VÀ DISTORT**

Thời gian: 3 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Xác định rõ chức năng của các lệnh về hiệu ứng.
- Vận dụng kiến thức để thiết kế các đối tượng mang tính nghệ thuật, ấn tượng

**2. Nội dung chương:**

7.1 Hiệu ứng, Powerclip.

7.2 Hiệu ứng Envelope

7.3 Hiệu ứng Distortion

### **BÀI 8: HIỆU ỨNG BLEND, CONTOUR, DROP SHADOW VÀ ADD PERSPECTIVE**

Thời gian: 3 giờ

**1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Xác định rõ chức năng của các lệnh về hiệu ứng.
- Vận dụng kiến thức để thiết kế các đối tượng mang tính nghệ thuật, ấn tượng

**2. Nội dung chương:**

- 8.1 Hiệu ứng, Blend và Contour.
- 8.2 Hiệu ứng Hiệu ứng Dropshadow
- 8.3 Hiệu ứng add perspective

## **BÀI 9: HIỆU ỨNG EXTRUDE, LENS VÀ CÁC HIỆU ỨNG KHÁC**

Thời gian: 3 giờ

### **1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Xác định rõ chức năng của các lệnh về hiệu ứng.
- Vận dụng kiến thức để thiết kế các đối tượng mang tính nghệ thuật, ấn tượng

### **2. Nội dung chương:**

- 8.1 Hiệu ứng Extrude.
- 8.2 Hiệu ứng Lens
- 8.3 Hiệu ứng khác

## **BÀI 10: XUẤT NHẬP FILE, IN ÁN - ÔN- KẾT THÚC MÔN HỌC**

Thời gian: 1giờ

### **1. Mục tiêu:** Học xong phần này người học có khả năng

- Xác định rõ chức năng về nhập xuất file, in
- Ôn tập

### **2. Nội dung chương:**

- 10.1 Nhập file, xuất file
- 10.2 In

## **ÔN TẬP KẾT THÚC MÔN HỌC**

Thời gian: 2 giờ

### **1. Mục tiêu:** Sau khi học xong người học được:

- Hệ thống và củng cố lại các kiến thức đã học ở các chương.
- Định hướng và mở rộng cho sinh viên hướng nghiên cứu, phát triển và xây dựng các bài tập nâng cao.

### **2. Nội dung bài:**

Nhắc lại các kiến thức trọng tâm đã nêu ở các bài.

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết, phòng máy tính.
- 2. Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy tính có nối mạng và cài đặt chương trình Corel Draw, Netsupport School.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, viết lông, USB, bảng vẽ, giấy a3, chì, gồm
- 4. Các điều kiện khác: Micro, loa, máy lạnh, quạt.

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

#### **1. Nội dung:**

- Kiến thức:
  - + Trình bày các kiến thức về thiết kế dùng phần mềm Corel Draw
- Kỹ năng:
  - + Ứng dụng kiến thức trong bài học.
  - + Tạo được các đối tượng đồ họa bằng phần mềm Corel Draw.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Các bài tập mở rộng và nâng cao.
  - + Thái độ cầu tiến và tự giác rèn luyện.
2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
  - Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Nêu phương pháp, nguyên lý...
  - + Sử dụng các công cụ mô phỏng để mô phỏng cho sinh viên các kỹ thuật tạo các mẫu thiết kế.
  - + Cho ví dụ và bài tập kết hợp mô phỏng các bài tập giúp cho người học dễ dàng tiếp thu kiến thức. Từ đó người học có thể tự học và tự vẽ tạo các mẫu sản phẩm theo các kiến thức đã học.
  - Đối với người học:
  - + Cần chú ý nghe giảng, rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, tự học, rèn luyện kỹ năng thực hành một cách nghiêm túc và tỉ mỉ.
  - + Ứng dụng các kiến thức, các kỹ thuật về phần mềm Corel Draw để các mẫu sản phẩm.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
  - Cấu trúc và cách thiết kế các bộ chữ cơ bản.
  - Tạo chữ trong các loại mẫu thiết kế cơ bản
  - Tính sáng tạo trong nghệ thuật chữ.
4. Tài liệu tham khảo:
 

[1]. Trung tâm tin học ĐH KHHN, Giáo trình Corel Draw, *nhà xuất bản Đại học quốc gia*.

[2]. It Club, TỰ HỌC CORELDRAW X5, NXB Từ Điển Bách Khoa, MCBooks

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** THIẾT KẾ WEB NÂNG CAO

**Mã môn học:** TTT4158

**Thời gian thực hiện môn học:** 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành: 30 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học sau các môn học Thiết kế Web.
- Tính chất: Môn học này giúp cho sinh viên thực hiện đề tài xây dựng một ứng dụng phần mềm phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp là rất cần thiết, giúp sinh viên hệ thống lại được các môn đã được học trước đó và áp dụng vào công việc thực tế.

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: giúp sinh viên hiểu rõ các khái niệm, nguyên tắc, thuật ngữ, các kỹ thuật, quy trình trong quá trình xây dựng một phần mềm nói chung hay xây dựng một website nói riêng.
- Kỹ năng: giúp sinh viên sử dụng được các công cụ, vận dụng các kiến thức đã được học để xây dựng một phần mềm theo yêu cầu đề ra.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: giúp sinh viên từng bước có năng lực tự xây dựng các phần mềm đơn giản và phức tạp.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên chương mục                                         | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|--------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                        | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | <b>Chương 1: WORDPRESS CONTENT MANAGER SYSTEM</b>      | <b>13</b>       | <b>7</b>  | <b>6</b>                                             |          |
|       | Bài 1. Tổng quan về Wordpress CMS.                     | 1               | 1         |                                                      |          |
|       | Bài 2. Cài đặt Wordpress CMS.                          | 4               | 2         | 2                                                    |          |
|       | Bài 3. Các thành phần trong Wordpress.                 | 4               | 2         | 2                                                    |          |
|       | Bài 4. Bài tập áp dụng.                                | 4               | 2         | 2                                                    |          |
| 2     | <b>Chương 2: Các Thành Phần Cơ Bản Trong Wordpress</b> | <b>28</b>       | <b>13</b> | <b>14</b>                                            | <b>1</b> |

| Số TT            | Tên chương mục                                           | Thời gian (giờ) |           |                                                      |           |
|------------------|----------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|-----------|
|                  |                                                          | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra  |
|                  | Bài 1. Quản lý các danh mục (Categories).                | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 2. Quản lý các bài viết (Posts).                     | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 3. Quản lý dữ liệu đa phương tiện (Media).           | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 4. Quản lý các trang web (Pages).                    | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 5. Quản lý một số thành phần khác                    | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 6. Bài tập áp dụng                                   | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Ôn tập và kiểm tra                                       | 4               | 1         | 2                                                    | 1         |
| 3                | <b>Chương 3: Một Số Mở Rộng Nâng Cao Trong Wordpress</b> | <b>19</b>       | <b>8</b>  | <b>10</b>                                            | <b>1</b>  |
|                  | Bài 1. Sử dụng Plugin trong WordPress                    | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 2. Tùy chỉnh giao diện WordPress (Appearance)        | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 3. Quản lý người dùng                                | 4               | 2         | 2                                                    |           |
|                  | Bài 4. Tối ưu hóa SEO WordPress cho các search engines   | 3               | 1         | 2                                                    |           |
|                  | Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ                               | 4               | 1         | 2                                                    | 1         |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                          | <b>45</b>       | <b>60</b> | <b>28</b>                                            | <b>30</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: WORDPRESS CONTENT MANAGER SYSTEM

Thời gian: 13 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Hiểu được nhu cầu, chức năng và nhiệm vụ của WordPress Manager System
- Cách cài đặt và cấu hình WordPress CMS
- Xác định các thành phần quan trọng trong WordPress CMS.
- Có thái độ nghiêm túc, chịu khó tìm tòi học hỏi.

#### 2. Nội dung:

#### Bài 1: Tổng quan về Wordpress CMS.

- 1.1. Giới thiệu hệ thống quản lý nội dung (CMS).
- 1.2. Một số phần mềm CMS.

1.3. Giới thiệu Wordpress CMS.

## **Bài 2: Cài đặt Wordpress CMS.**

2.1. Giới thiệu Apache WebServer, Php Parser, MySQL Server.

2.2. Các bước cài đặt Wordpress CMS.

2.3. Quy trình phát triển Wordpress và triển khai online.

## **Bài 3: Tổng quan các thành phần trong Wordpress.**

3.1. Giao diện người dùng và quản trị (Front End/ Back End).

3.2. Trang cấu hình Wordpress.

3.3. Tùy chỉnh cấu hình chung (General Setting).

3.4. Tùy chỉnh bài viết (Writing Setting).

3.5. Tùy chỉnh mục thảo luận (Discussion Setting).

3.6. Tùy chỉnh dữ liệu đa phương tiện (Media Setting).

## **Bài 4: Bài tập áp dụng.**

**Chương 2: CÁC THÀNH PHẦN CƠ BẢN TRONG WORDPRESS** Thời gian: 28 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Biết được cách quản lý các danh mục, các bài viết, dữ liệu đa phương tiện.
- Cách xuất bản một trang Web lên Website
- Cách thiết kế và cài đặt lập trình theo không hướng kết nối giáo thức UDP
- Có thái độ nghiêm túc, chịu khó tìm tòi học hỏi.

### **2. Nội dung:**

#### **Bài 1: Quản lý các danh mục (Categories).**

1.1. Thêm, xóa và sửa một danh mục.

1.2. Hiển thị các danh mục lên Website.

#### **Bài 2: Quản lý các bài viết (Posts).**

2.1. Thêm, xóa và sửa một bài viết.

2.2. Xem trước nội dung bài viết đang biên tập.

2.3. Xuất bản một bài viết lên Website.

#### **Bài 3: Quản lý dữ liệu đa phương tiện (Media).**

3.1. Quản lý thư viện lưu trữ dữ liệu đa phương tiện (Media Library).

3.2. Thêm, xóa và sửa một tập tin đa phương tiện.

#### **Bài 4: Quản lý các trang web (Pages).**

4.1. Thêm, xóa và sửa một trang.

4.2. Xuất bản một trang lên Website.

#### **Bài 5: Quản lý một số thành phần khác.**

5.1. Quản lý Tag.

5.2. Quản lý Link.

5.3. Quản lý Comment.

#### **Bài 6: Bài tập áp dụng.**

**Chương 3: Một Số Mở Rộng Nâng Cao Trong Wordpress** Thời gian: 19giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Biết được các Plugin, Theme trong Wordpress
- Biết các quản lý người dùng sử dụng Website.
- Có thái độ nghiêm túc, chịu khó tìm tòi học hỏi.

## **2. Nội dung:**

### **Bài 1: Sử dụng Plugin trong WordPress**

- 1.1 Khái niệm Plugin trong WordPress.
- 1.2. Tìm kiếm và xem các plugin.
- 1.3. Cài đặt Plugin.
- 1.4. Cấu hình và tùy chỉnh Plugin.

### **Bài 2: Tùy chỉnh giao diện WordPress (Appearance).**

- 2.1. Theme trong WordPress.
  - 2.1.1. Khái niệm Theme.
  - 2.1.2. Quản lý Theme.
  - 2.1.3. Tùy chỉnh Theme.
- 2.2. Khái niệm Widget trong WordPress.
  - 2.2.1. Khái niệm Widget.
  - 2.2.2. Quản lý Widget.
- 2.3. Tùy chỉnh background.

### **Bài 3: Quản lý người dùng.**

- 3.1. Phân quyền và quản lý vai trò người dùng (User Roles).
- 3.2. Thêm, xóa và sửa một người dùng trong hệ thống.
- 3.3. Quản lý thông tin cá nhân của người dùng

### **Bài 4. Tối ưu hóa SEO WordPress cho các search engines**

#### **Ôn tập và kiểm tra cuối kỳ**

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- a. Phòng máy tính có trang bị chương trình Netop School hoặc tương đương
- b. Trên các máy trạm cho sinh viên và máy giáo viên có các chương trình như Android Studio, NetSupport, v.v..
- c. Phòng máy có trang bị projector càng tốt
- d. Bảng

#### **V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**

1. Nội dung:
  - Kiến thức: đánh giá sinh viên qua việc sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng được các ứng dụng Web.
  - Kỹ năng: Sử dụng tốt các phần mềm như WordPress trong quá trình xây dựng các ứng dụng Web.
  - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự tạo một cơ sở dữ liệu MySQL, tự tạo giao diện các ứng dụng Web, và viết code sao cho các ứng dụng chạy được trên các nền tảng và kiến trúc của WordPress.
2. Phương pháp:

- Yêu cầu xây dựng các ứng dụng Web có các chức năng theo yêu cầu của từng bài toán cụ thể được đưa ra cho sinh viên thực hiện.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học:**

- Chương trình môn học này được sử dụng để giảng dạy cho trình Trung cấp.
- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giảng viên: giảng viên chuẩn bị đầy đủ về nội dung bài học và bài thực hành áp dụng cho bài học này.
- Đối với người học: chú ý nghe giảng, và thực hành đầy đủ các bài tập của giảng viên yêu cầu thực hiện.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào Nội dung của từng bài học.
- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

### **4. Tài liệu tham khảo:**

- [1] Phạm Thị Nhung (2008), *Lập Trình Web Với HTML Và JavaScript*, Trung tâm tin học trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên.
- [2] Tutorials Point (2015), *Wordpress Toturials Point Simply Easy Learning*, Tutorials Point Pvt. Ltd.
- [3] Nico Julius (2013), *Wordpress For Beginner: The Missing Guide*, published by WPBrix.
- [4] [www.w3schools.com](http://www.w3schools.com): Nơi tham khảo chính cho các cú pháp HTML, CSS và JavaScript với mục đích thiết kế giao diện Web. Ngoài ra, còn hướng dẫn một số ngôn ngữ lập trình Web như ASP.NET và PHP ở mức căn bản.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học** THIẾT KẾ ĐỒ HỌA 3D VỚI 3DMAX

**Mã môn học:** TTT4198

**Thời gian thực hiện môn học:** 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Được bố trí sau môn học cơ sở ngành
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  - + Có kiến thức về đồ họa 3D
  - + Khai thác và sử dụng phần mềm thiết kế 3DS MAX
- Về kỹ năng:
  - + Sử dụng được phần mềm thiết kế 3DS MAX
  - + Ứng dụng vẽ tạo, thiết kế các mẫu sản phẩm đồ họa có giá trị thực tiễn
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức trách nhiệm trong tác nghiệp thiết kế.
  - + Rèn luyện khả năng tự học, tư duy sáng tạo.
  - + Có khả năng tự học, sử dụng các phần mềm thiết kế khác
  - + Phối hợp làm việc theo nhóm

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                                    | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|--------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                              | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1: GIAO DIỆN VÀ THIẾT LẬP CÁC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TRÊN 3DMAX | 6               | 3         | 3                                                    |          |
| 2     | Bài 2: VẬT THỂ 3D CƠ BẢN                                     | 12              | 5         | 7                                                    |          |
| 3     | Bài 3: VẬT THỂ 3D PHỨC TẠP                                   | 12              | 6         | 5                                                    | 1        |
| 4     | Bài 4: CÁC PHÉP BIẾN ĐỔI MODIFIERS                           | 12              | 6         | 5                                                    | 1        |
| 5     | Bài 5: VẬT LIỆU                                              | 9               | 3         | 6                                                    |          |
| 6     | Bài 6: CHIẾU SÁNG VÀ ÁNH                                     | 6               | 3         | 3                                                    |          |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|---------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
|                  | SÁNG                      |                 |           |                                                      |          |
| 7                | Bài 7: MỘT SỐ HIỆU ỨNG    | 3               | 2         | 1                                                    |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>60</b>       | <b>28</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### BÀI 1: GIAO DIỆN VÀ THIẾT LẬP CÁC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC TRÊN 3DMAX

Thời gian: 6 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Tổ chức được giao diện, tổ chức menu, hệ thống đơn vị.
- Trình bày được vai trò và ứng dụng của 3D max trong thiết kế nội thất.

#### 2. Nội dung bài:

- 1.1. Giới thiệu 3DMAX (cấu hình, cài đặt)
- 1.2. Tổ chức giao diện
- 1.3. Tổ chức menu
- 1.4. Hệ thống đơn vị
- 1.5. Về các thực thể đơn giản
- 1.6. Thao tác quan sát
- 1.7. Mặc định truy bắt điểm
- 1.8. Hệ Toạ độ và các điểm quy chiếu (pivot point)
- 1.9. Các vật thể 3D cơ bản (box, cone, tube...)
- 1.10 Các thao tác sao chép, quay, thay đổi tỉ lệ; Đối xứng, tạo dãy, sắp theo hướng (align)

### BÀI 2: CÁC VẬT THỂ 3D CƠ BẢN.

Thời gian: 12 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Thiết kế được một số khối hình học cơ bản.
- Thiết lập được các chế độ làm việc trong cửa sổ thiết kế.
- Sử dụng các công cụ để thao tác trên các đối tượng.

#### 2. Nội dung bài:

- 2.1. Các vật thể 2D (line, circle, arc...)
- 2.2 Các vật thể 3D cơ bản (box, cone, tube...)
- 2.3. Vẽ thang với lập trình soạn sẵn
- 2.4. Các phương pháp chọn đối tượng
- 2.5. Khóa chọn và bảng lệnh display
- 2.6. Tính chất của các đường nét (spline)
- 2.7. Vẽ và Khai thác các đặc điểm của lưới bề mặt (mesh)

2.8. Nhóm đối tượng (group)

2.9. Tính chất thừa kế đặc điểm sau khi sao chép (clone)

### **BÀI 3: VẬT THỂ 3D PHỨC TẠP**

Thời gian: 12 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

Sử dụng và xác định rõ chức năng của các công cụ tạo đối tượng phức tạp trong 3d max.

#### **2. Nội dung bài:**

3.1. Các phép toán Boolean

3.2. Vật thể tròn xoay (lathe)

3.3. Trượt dọc (extrude & Loft)

3.4. Tạo mặt từ spline (Surface)

### **BÀI 4: CÁC PHÉP BIẾN ĐỔI (MODIFIERS)**

Thời gian: 12 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

- Sử dụng và xác định rõ chức năng của các công cụ xử lý đối tượng và biến đổi các đối tượng trong 3d max..

#### **2. Nội dung bài:**

4.1. Uốn cong (Bend)

4.2. Vặn (Twist)

4.3. Vuốt (Taper)

4.4. Hiệu chỉnh bề mặt bằng Sub-object

4.5. Bevel profile

4.6. Mô hình tấm (patch)

4.7. Mô hình lưới (mesh)

### **BÀI 5: VẬT LIỆU**

Thời gian: 9 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

- Xác định rõ chức năng của vật liệu trong 3d max.

- Vận dụng kiến thức để thiết kế các đối tượng có vật liệu mang tính nghệ thuật, ấn tượng.

#### **2. Nội dung bài:**

5.1. Các chủng loại vật liệu

5.2. Vật liệu thủ tục Tiles (ốp lát gạch)

5.4. Vật liệu thủ tục Gỗ (Wood)

5.5. Vật liệu thủ tục Cẩm thạch (marble)

5.6. Các vật liệu khác

### **BÀI 6: CHIẾU SÁNG VÀ ÁNH SÁNG**

Thời gian: 6 giờ

## **1. Mục tiêu:**

- Xác định rõ chức năng của các công cụ xử lý ánh sáng.
- Áp dụng thuần thục các giải pháp chiếu sáng trong quá trình thiết kế.

## **2. Nội dung bài:**

- 6.1. Camera và đèn
- 6.2. Cách tạo và đặt camera
- 6.3. Hiệu chỉnh camera
- 6.4. Các loại đèn
- 6.5. Cách tạo và bố trí đèn
- 6.6. Hiệu chỉnh đèn

## **BÀI 7: MỘT SỐ HIỆU ỨNG**

Thời gian: 3 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Thực hiện các hiệu ứng môi trường.
- Xác định rõ chức năng của các lệnh về khung ảnh để phục vụ công tác chế bản.

### **2. Nội dung bài:**

- 7.1. Render
- 7.2. Hiệu ứng của nguồn sáng và hiệu ứng môi trường

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành máy tính, máy chiếu
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính và các phần mềm thiết kế 3Ds max, Photoshop..
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các mẫu thiết kế để phân tích, nhận định và đánh giá
- 4. Các điều kiện khác:

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- 1. Nội dung:
  - + Kiến thức: Trình bày lại những kiến thức cơ bản về phần mềm 3DS.
  - + Kỹ năng: Ứng dụng được các kiến thức trong bài học, áp dụng vẽ tạo, thiết kế các sản phẩm, các không gian sự kiện có giá trị thực tiễn.
  - + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tự giác và chuyên cần, phát huy tính tự học và sáng tạo trong thiết kế, tham gia tích cực vào giờ học
- 2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

- 1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.
- 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Học qua sản phẩm thiết kế ứng dụng cụ thể

- Đối với giáo viên: Đặt vấn đề, giảng giải, thuyết trình, minh họa, trình bày thao tác mẫu.

- Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra, ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật đã được học vào sản phẩm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các lệnh vẽ 2D, 3D, chuyển 2D sang 3D, các phép biến đổi, áp vật liệu, thiết lập ánh sáng, render, xử lý hậu kỳ bằng photoshop.

4. Tài liệu tham khảo:

- Tóm tắt bài giảng của giảng viên phụ trách môn học

- Randi L. Derakhshani, Dariush Derakhshani, *Cơ bản về Autodesk 3Ds Max 2014- Thiết kế tạo hình cơ bản và nâng cao*, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2015

- Trang Web/CDs tham khảo

+ <http://www.design.íastage.edu>

+ <http://dohoavn.net>

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: ĐỒ ÁN THIẾT KẾ BAO BÌ**

**Mã môn học: TTT4103**

**Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ;** (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 45 giờ; Kiểm tra: 0 giờ)

## **I. Vị trí, tính chất của môn học:**

- Vị trí: Môn học được bố trí sau khi người học xong các môn học chung và các môn thuộc môn học cơ sở
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc, giúp sinh tổng hợp các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị trong khóa học để tự xây dựng được một hệ thống bao bì dưới sự hướng dẫn của giảng viên

## **II. Mục tiêu môn học:**

- Về kiến thức:
  - + Có kiến thức về Tìm hiểu về kỹ thuật thiết kế bao bì và quy trình thiết kế bao bì - nhãn hiệu hàng hóa.
- Về kỹ năng:
  - + Khai thác và sử dụng các kỹ thuật chuyên sâu ở các phần mềm thiết kế Adobe Illustrator, Photoshop, 3ds Max.. để thiết kế sản phẩm.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có ý thức trách nhiệm trong tác nghiệp thiết kế.
  - + Rèn luyện khả năng tự học, tư duy sáng tạo.
  - + Có khả năng tự học, sử dụng các phần mềm thiết kế khác
  - + Phối hợp làm việc theo nhóm

## **III. Nội dung môn học:**

### **1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:**

| Số TT | Tên các bài trong môn học        | Thời gian (giờ) |           |                                          |          |
|-------|----------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------|----------|
|       |                                  | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Bài 1: : GIỚI THIỆU VỀ BAO BÌ    | 3               | 0         | 3                                        |          |
| 2     | Bài 2: THIẾT KẾ KIỂU DÁNG BAO BÌ | 15              | 0         | 15                                       |          |
| 3     | Bài 3: THIẾT KẾ NHÃN HIỆU BAO BÌ | 15              | 0         | 15                                       |          |
| 4     | Bài 4: QUY TRÌNH THIẾT BAO       | 12              | 0         | 12                                       |          |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học | Thời gian (giờ) |           |                                          |          |
|------------------|---------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------|----------|
|                  |                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
|                  | BÌ VÀ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA. |                 |           |                                          |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>45</b>       | <b>0</b>  | <b>45</b>                                | <b>0</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: GIỚI THIỆU VỀ BAO BÌ

Thời gian: 3 giờ

#### 1. Mục tiêu:

Tìm hiểu lịch sử, vai trò và các yếu tố trong thiết kế bao bì.

#### 2. Nội dung bài:

##### 1.1 Lịch sử

##### 1.2 Vai trò của bao bì trong tiếp thị sản phẩm

##### 1.2.1. Vai trò của bao bì trong tiếp thị

##### 1.2.2. Bao bì và thương hiệu nổi tiếng

##### 1.2.3. Đánh giá thành công của một thiết kế bao bì.

##### 1.2.4. Bao bì và môi trường bán lẻ

##### 1.3 Các yếu tố cần thiết của một sản phẩm bao bì

##### 1.3.1. Bao bì năng động

##### 1.3.2. Sự lan tỏa

### Bài 2: THIẾT KẾ KIỂU DÁNG BAO BÌ

Thời gian: 15 giờ

#### 1. Mục tiêu:

Tìm hiểu cấu trúc và thành phần của bao bì.

Thiết kế kiểu dáng bao bì.

#### 2. Nội dung bài:

##### 1.1 Các dạng bao bì

##### 1.1.1. Bao bì dạng Cartons

##### 1.1.2. Bao bì dạng Bottles

##### 1.1.3. Bao bì dạng Tubes

##### 1.1.4. Bao bì dạng Cans

##### 1.1.5. Bao bì dạng Tubs and jars

##### 1.1.6. Bao bì dạng CDs

##### 1.1.7. Multi packs

##### 1.2 Chất liệu làm bao bì

##### 1.2.1. Giấy

- 1.2.2. Nhựa
- 1.2.3. Thủy tinh
- 1.2.4. Kim loại
- 1.2.5. Gỗ

### **Bài 3: THIẾT KẾ NHÃN HIỆU BAO BÌ**

Thời gian: 15 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

Tìm hiểu về cấu trúc nhãn hiệu bao bì

Tìm hiểu về thiết kế nhãn hiệu bao bì

#### **2. Nội dung bài:**

1.1 Ý nghĩa của nhãn hiệu hàng hóa

1.1.1 Xây dựng thương hiệu

1.1.2. Thông tin sản phẩm

1.2 Các yếu tố cần thiết trong thiết kế nhãn hàng

1.2 .1. Kiểu dáng và kích thước

1.2 .2. Bố cục

1.2 .3. Màu sắc

1.2 .4. Ngôn ngữ

1.2 .5. Nghệ thuật chữ

1.2 .6. Sử dụng hình ảnh minh họa

1.2 .7. Symbol, Icon và Barcode

### **Bài 4: QUY TRÌNH THIẾT BAO BÌ VÀ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA**

Thời gian: 12 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

Xây dựng quy trình thiết kế bao bì và nhãn hiệu hàng hóa.

#### **2. Nội dung bài:**

1.1 Tìm hiểu thông tin khách hàng

1.1.1. Gặp gỡ khách hàng

1.1.2. Lập kế hoạch thiết kế

1.1.3. Thu thập nội dung thông tin

1.2 Thiết kế kiểu dáng bao bì

1.2 .1. Thông tin và yêu cầu trong thiết kế kiểu dáng

1.2 .2. Thiết kế ý tưởng kiểu dáng

1.2 .3. Thiết kế đồ họa

1.2 .4. Xất file thiết kế

1.3 Thiết kế nhãn hàng

- 1.3.1. Thông tin và yêu cầu trong thiết kế nhãn hàng
- 1.3.2. Thiết kế ý tưởng nhãn hàng
- 1.3.3. Thiết kế đồ họa
- 1.4 Thiết kế bao bì vận chuyển
  - 1.4 .1. Thông tin và yêu cầu trong thiết kế bao bì vận chuyển
  - 1.4 .2. Thiết kế ý tưởng bao bì vận chuyển.
  - 1.4 .3. Thiết kế đồ họa
  - 1.4 .4. Xất file thiết kế
- 1.5 Hoàn thiện sản phẩm
  - 1.5.1. Kiểm thử các mẫu thiết kế
  - 1.5.2. Thiết kế cập nhật sau kiểm thử
  - 1.5.3. Sản xuất và in ấn

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng: Phòng học, phòng thực hành máy tính, máy chiếu
- 2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính và các phần mềm thiết kế
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các mẫu thiết kế để phân tích, nhận định và đánh giá
- 4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- 1. Nội dung:
  - + Kiến thức: Tìm hiểu về kỹ thuật thiết kế bao bì và quy trình thiết kế bao bì - nhãn hiệu hàng hóa
  - + Kỹ năng: Thiết kế các dạng bao bì và nhãn hiệu hàng hóa trên công cụ Adobe Illustrator, Photoshop, Corel draw, 3ds Max
  - + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính tự giác và chuyên cần.
- 2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ/nộp đồ án.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

- 1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.
- 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Học qua sản phẩm thiết kế ứng dụng cụ thể
  - Đối với giáo viên: Đặt vấn đề, giảng giải, thuyết trình, minh họa, trình bày thao tác mẫu.
  - Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra, ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật đã được học vào sản phẩm
- 3. Những trọng tâm cần chú ý: Các thể loại bao bì, kích thước, màu sắc, bố cục.
- 4. Tài liệu tham khảo:
  - Tóm tắt bài giảng của giảng viên phụ trách môn học

- 20 bài hiệu ứng tạo chữ đẹp chuyên nghiệp *Adobe photoshop cs, cs2 & cs3 type effects (thực hành và áp dụng thực tế)*, Hoàng Sơn, Vi - Knowledge Group, NXB Thanh Niên – 2007.
  - Chris Botello, *Adobe Illustrator CS6-Revealed (Khám phá Adobe Illustrator)*, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2015
  - Uyên Huy (Huỳnh Văn Mười), *Phương pháp tư duy & thực hành bố cục mỹ thuật - Method of thinking & on the composition on fine arts*, Mỹ thuật, 2013.
  - Uyên Huy (Huỳnh Văn Mười), *Màu sắc và phương pháp sử dụng - Color & using method* (Kèm đĩa CD) , NXB Lao động - Xã hội, 2009
  - Trang Web/CDs tham khảo
  - + <http://www.design.íastage.edu>
  - + <http://dohoavn.net>
5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học:** THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

**Mã môn học:** TTT4105

**Thời gian thực hiện môn học:** 270 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 270 giờ; Kiểm tra: 0 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học xong tất cả các môn học
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có các kiến thức về thực tế:
    - + Nắm được các quy trình thiết kế thực
    - + Có thêm được các kiến thức về Doanh nghiệp, khách hàng liên quan đến thiết kế
  - Kỹ năng:
    - + Có thêm kinh nghiệm thiết kế thực tế.
    - + Có kỹ năng làm việc trong môi trường thực tế
    - + Tích lũy kinh nghiệm tiếp xúc với khách hàng
- + Có khả năng tự tìm tòi, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm liên quan đến môn học.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT            | Tên các bài trong môn học                                                               | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                                                                                         | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1                | Hướng dẫn kế hoạch thực tập TN                                                          | 45              |           | 45                                                   |          |
| 2                | Thực tập tại Doanh nghiệp – Tìm hiểu quy trình và thiết kế các sản phẩm đồ họa ứng dụng | 225             |           | 225                                                  |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                         | <b>270</b>      |           | <b>270</b>                                           |          |

### 2. Nội dung chi tiết:

#### Bài 1: HƯỚNG DẪN KẾ HOẠCH THỰC TẬP TN

Thời gian: 45 giờ

##### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV thực hiện được:

- Kế hoạch thực tập TN cho cá nhân
- Nắm được các quy định về thực tập TN

##### 2. Nội dung bài:

- Trình bày cụ thể mục đích, yêu cầu, nội dung mà sinh viên cần thực hiện trong thời gian thực tập.
- Giải đáp những thắc mắc mà sinh viên thường gặp trong quá trình đi thực tập.
- Sinh viên cần liên hệ nơi mình muốn đến thực tập và xác lập 1 chương trình làm việc trong thời gian thực tập sao cho hiệu quả và thiết thực nhất.
- Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch thực tập

## **Bài 2: THỰC TẬP TẠI DOANH NGHIỆP**

Thời gian: 225 giờ

### **1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có thể:

- Nắm được các quy trình thiết kế thực tế
- Có thêm được các kiến thức về Doanh nghiệp, khách hàng liên quan đến thiết kế
- Có thêm kinh nghiệm thiết kế thực tế.

### **2. Nội dung bài:**

- 2.1. Xem xét – thiết lập hợp đồng
- 2.2. Triển khai thiết kế
- 2.3. Kiểm soát chất lượng thiết kế
- 2.4. Giải quyết ý kiến và khiếu nại khách hàng
- 2.5. Đóng gói – giao – lưu hồ sơ

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Máy tính cấu hình mạnh, có kết nối Internet và các phần mềm thiết kế đồ họa.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu để hướng dẫn sinh viên.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, viết lông, USB
4. Các điều kiện khác: Micro, loa, quạt.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:
  - Kiến thức:
    - + Nắm rõ các kiến thức đã học và thực hiện sản phẩm theo yêu cầu của doanh nghiệp.
  - Kỹ năng:
    - + Hiểu đề bài được giao.
    - + Lựa chọn công cụ giải quyết
    - + Tổng hợp được kiến thức đã học áp dụng có hiệu quả vào thực tế
    - + Xây dựng được sản phẩm và biết cách trình bày sản phẩm.
  - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
    - + Tự thực hiện sản phẩm.
2. Phương pháp: yêu cầu nộp báo cáo sau khi thực tập tại doanh nghiệp.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
  - + Giảng viên chuẩn bị đề tài và kết hợp diễn giảng, vấn đáp, hướng dẫn sinh viên theo đúng đề cương đưa ra và theo dõi tiến độ sinh viên thực hiện đúng theo yêu cầu.
- Đối với người học:
  - + Cần thực hiện đúng theo yêu cầu đề cương đưa ra dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Hiểu đề bài được giao
- + Lựa chọn công cụ giải quyết
- + Tổng hợp được kiến thức cần thiết cho việc thiết kế
- + Xây dựng được sản phẩm và biết cách trình bày sản phẩm.

4. Tài liệu tham khảo:

Tùy theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn sẽ tham khảo các tài liệu cụ thể của đề tài được giao.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: BIÊN TẬP PHIM VỚI PREMIERE**

**Mã môn học: TTT4102**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là môn học bắt buộc, học sau khi học các môn cơ sở ngành.
- Tính chất: Là một trong các môn học cơ sở

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có những kiến thức về biên tập phim, biết sử dụng phần mềm Adobe Premiere :
  - + Biết các loại dữ liệu để biên tập phim.
  - + Các bước để biên tập phim.
  - + Biết biên tập phim với phần mềm Adobe Premiere.
- Kỹ năng:
  - + Vận dụng được các kỹ năng để biên tập phim
  - + Biết sử dụng phần mềm Adobe Premiere.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Đánh giá được tầm quan trọng của các bước trong biên tập phim để lưu ý trong quá trình sử dụng phần mềm để biên tập.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học                      | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | <b>Bài 1: Giới thiệu về biên tập phim</b>      | 2               | 2         |                                                      |          |
|       | 1.1. Biên tập phim là gì?                      | 0.5             | 0.5       |                                                      |          |
|       | 1.2. Các loại dữ liệu dùng trong biên tập phim | 0.5             | 0.5       |                                                      |          |
|       | 1.3. Các bước biên tập phim                    | 1               | 1         |                                                      |          |
| 2     | <b>Bài 2: Làm quen với Adobe Premiere</b>      | 6               | 2         | 4                                                    |          |
|       | 2.1. Khái niệm Project                         | 1               |           | 1                                                    |          |
|       | 2.2. Khái niệm và sử dụng                      | 2               | 1         | 1                                                    |          |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học                        | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|--------------------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                                                  | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
|                  | Sequence                                         |                 |           |                                                      |          |
|                  | 2.3. Các phân vùng làm việc                      | 3               | 1         | 2                                                    |          |
| <b>3</b>         | <b>Bài 3: Xử lý dữ liệu dạng video</b>           | <b>12</b>       | <b>4</b>  | <b>7</b>                                             | <b>1</b> |
|                  | 3.1. Import dữ liệu dạng video                   | 2               | 1         | 1                                                    |          |
|                  | 3.2. Cắt ghép dữ liệu tiền cảnh                  | 4               | 1         | 3                                                    |          |
|                  | 3.3. Sắp xếp dữ liệu trên timeline               | 6               | 2         | 3                                                    | 1        |
| <b>4</b>         | <b>Bài 4: Hiệu ứng</b>                           | <b>13</b>       | <b>2</b>  | <b>11</b>                                            |          |
|                  | 4.1. Tạo đề mục Universal Counting Leader, Title | 3               |           | 3                                                    |          |
|                  | 4.2. Chỉnh sửa màu sắc cơ bản trong video        | 3               |           | 3                                                    |          |
|                  | 4.3. Thao tác cơ bản với Effect control          | 7               | 2         | 5                                                    |          |
| <b>5</b>         | <b>Bài 5: Hiệu ứng chuyển cảnh</b>               | <b>12</b>       | <b>3</b>  | <b>8</b>                                             | <b>1</b> |
|                  | 5.1. Khái niệm về chuyển cảnh (transition)       | 1               |           | 1                                                    |          |
|                  | 5.2. Sử dụng công cụ chuyển cảnh                 | 9               | 3         | 6                                                    |          |
|                  | 5.3. Các lưu ý khi sử dụng                       | 1               |           | 1                                                    |          |
|                  | 5.4. Kiểm tra                                    | 1               |           |                                                      | 1        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                  | <b>45</b>       | <b>13</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: GIỚI THIỆU VỀ BIÊN TẬP PHIM

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Biết được các loại dữ liệu dùng trong biên tập phim
- Nắm được công việc của một biên tập phim
- Nắm được những kỹ năng cần có của một người biên tập phim

#### 2. Nội dung Bài:

- 2.1. Biên tập phim là gì?
- 2.2. Các loại dữ liệu dùng trong biên tập phim
- 2.3. Các bước biên tập phim

## **Bài 2: LÀM QUEN VỚI ADOBE PREMIERE**

Thời gian:6 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Tạo được Project trong Adobe Premiere
- Sử dụng được Sequence
- Nắm được các phân vùng làm việc trong Adobe Premiere

### **2. Nội dung Bài:**

#### **2.1. Khái niệm Project**

#### **2.2. Khái niệm và sử dụng Sequence**

#### **2.3. Các phân vùng làm việc**

## **Bài 3: XỬ LÝ DỮ LIỆU DẠNG VIDEO**

Thời gian:12 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Biết cách import dữ liệu
- Thao tác được các bước xử lý dữ liệu tiền cảnh
- Biết cách sắp xếp dữ liệu trên Timeline

### **2. Nội dung Bài:**

#### **2.1. Import dữ liệu dạng video**

#### **2.2. Cắt ghép dữ liệu tiền cảnh**

#### **2.3. Sắp xếp dữ liệu trên timeline**

## **Bài 4: HIỆU ỨNG**

Thời gian:13 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Biết chỉnh sửa màu sắc cho một video
- Sử dụng được công cụ Effect

### **2. Nội dung Bài:**

#### **2.1. Tạo đề mục Universal Counting Leader, Title**

#### **2.2. Chỉnh sửa màu sắc cơ bản trong video**

#### **2.3. Thao tác cơ bản với Effect control**

## **Bài 5: HIỆU ỨNG CHUYỂN CẢNH**

Thời gian:12 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Hiểu được khái niệm chuyển cảnh
- Sử dụng được công cụ chuyển cảnh (transition)

### **2. Nội dung Bài:**

#### **2.1. Khái niệm về chuyển cảnh (transition)**

#### **2.2. Sử dụng công cụ chuyển cảnh**

#### **2.3. Các lưu ý khi sử dụng**

#### **2.4. Kiểm tra**

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng máy tính

2. Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy tính có nối mạng và cài đặt phần mềm Adobe Premiere, Netsupport School

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu biên tập phim với Adobe Premiere.

4. Các điều kiện khác:

#### **V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:**

1. Nội dung:

– Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về biên tập phim và biết sử dụng phần mềm Adobe Premiere.

– Kỹ năng: Giúp cho người học có kỹ năng biên tập phim với phần mềm Adobe Premiere.

– Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập giáo viên cho để rèn luyện các kỹ năng ...Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế .

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

– Đối với giáo viên, giảng viên: trình bày lý thuyết, kết hợp với mô phỏng thông qua các Slide, internet, ra bài tập thực hành, hướng dẫn sinh viên biết sử dụng phần mềm Adobe Premiere để biên tập phim.

– Đối với người học: làm các bài tập thực hành, tự biên tập phim với phần mềm Adobe Premiere cho mình.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

– Khái niệm về biên tập phim, các bước biên tập, khái niệm project, sequence.

– Sử dụng phần mềm Adobe Premiere để biên tập phim.

4. Tài liệu tham khảo:

– Ebook hướng dẫn sử dụng Adobe Premiere chuyên nghiệp

– Web: <http://share3d.vn/>

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA 2D VỚI FLASH**

**Mã môn học: TTT4159**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Học sau môn học Thiết kế web căn bản và song song với môn học Thiết kế web nâng cao
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có các kiến thức cơ bản về hoạt ảnh 2D và các ứng dụng của hoạt ảnh trong thực tế
- Kỹ năng:
  - + Sử dụng được các kiểu hoạt diễn Flash.
  - + Tổ chức, lên kịch bản và dựng các phim hoạt ảnh ứng dụng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có khả năng tự tìm tòi, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm liên quan đến môn học.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong môn học           | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|-------|-------------------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                     | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 1     | Tổng quan về Hoạt ảnh 2D            | 2               | 2         |                                                      |          |
| 2     | Giao diện và hệ thống công cụ Flash | 3               | 1         | 2                                                    |          |
| 3     | Bảng tiến trình                     | 3               | 1         | 2                                                    |          |
| 4     | Các kiểu hoạt ảnh Flash             | 9               | 3         | 6                                                    |          |
| 5     | Sử dụng màu sắc và ký tự            | 4               | 1         | 3                                                    |          |
|       | Ôn tập và kiểm tra                  | 3               |           | 2                                                    | 1        |
| 6     | Kỹ thuật mặt nạ (Mask)              | 4               | 1         | 3                                                    |          |
| 7     | Sử dụng âm thanh, video             | 4               | 1         | 3                                                    |          |
|       | Ôn tập và thi giữa kỳ               | 4               | 1         | 2                                                    | 1        |

| Số TT            | Tên các bài trong môn học | Thời gian (giờ) |           |                                                      |          |
|------------------|---------------------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                           | Tổng số         | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| 8                | Xuất nhập file            | 3               | 1         | 2                                                    |          |
|                  | Ôn tập và kiểm tra        | 2               |           | 2                                                    |          |
|                  | Ôn tập cuối kỳ            | 4               | 1         | 3                                                    |          |
| <b>Tổng cộng</b> |                           | <b>45</b>       | <b>13</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ẢNH 2D

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV thực hiện được:

- Hiểu về hoạt ảnh 2D và các tính chất của phim hoạt ảnh
- Biết cài đặt chương trình Flash, các thao tác trên tập tin
- Biết được cấu trúc và cách thức tổ chức phim hoạt ảnh

#### 2. Nội dung bài:

1. Giới thiệu về hoạt ảnh 2D
  - 1.1. Các khái niệm liên quan
  - 1.2. Đặc điểm
2. Cấu trúc và cách thức tổ chức phim hoạt ảnh
  - 2.1. Cấu trúc phim hoạt ảnh
  - 2.2. Cách tổ chức
3. Cài đặt chương trình Flash
  - 3.1. Yêu cầu phần cứng
  - 3.2. Phương pháp cài đặt
4. Khởi động và thoát khỏi chương trình Flash

### Bài 2: GIAO DIỆN VÀ HỆ THỐNG CÔNG CỤ FLASH

Thời gian: 3 giờ

#### 1. Mục tiêu: Sau khi học xong SV sử dụng được:

- Nắm được các thành phần trên giao diện, thiết lập môi trường làm việc cho Flash
- Sử dụng được hệ thống công cụ trên cửa sổ giao diện.

#### 2. Nội dung bài:

- 2.1 Giao diện Flash
  - 2.1.1. Các thành phần chức năng trên giao diện Flash
  - 2.1.2. Các chế độ hỗ trợ trong môi trường làm việc của Flash
    - 2.1.2.1. Bật tắt các chế độ hỗ trợ
    - 2.1.2.2 Tính năng của các chế độ hỗ trợ
- 2.2. Hệ thống công cụ Flash
  - 2.2.1. Công cụ Selection tool (V)

- 2.2.2. Công cụ Subselection tool (A)
- 2.2.3. Công cụ Line tool (N)
- 2.2.4. Công cụ Lasso tool (L)
- 2.2.5. Công cụ Pen tool (P)
- 2.2.6. Công cụ Text tool (T)
- 2.2.7. Công cụ Oval tool (O)
- 2.2.8. Công cụ Rectangle tool (R)
- 2.2.9. Công cụ Pencil tool (Y)
- 2.2.10. Công cụ Brush tool (B)
- 2.2.11. Công cụ Free transform tool (Q)
- 2.2.12. Công cụ Gradient transform tool (F)
- 2.2.13. Công cụ Ink bottle tool (S)
- 2.2.14. Công cụ Paint bucket tool (K)
- 2.2.15. Công cụ Eyedropper tool (I)
- 2.2.16. Công cụ Eraser tool (E)
- 2.2.17. Công cụ Hand tool (H)
- 2.2.18. Công cụ Zoom tool (M, Z)

### **BÀI 3 : BẢNG TIẾN TRÌNH**

Thời gian: 3 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV sử dụng được:

- Nắm được các thành phần trên bảng tiến trình
- Sử dụng và điều khiển được khung tiến trình.

**2. Nội dung bài:**

- 2.1. Đầu đọc (playhead)
- 2.2. Khung hình (frame)
- 2.3. Khung chốt (keyframe)
- 2.4. Lớp (layer)
  - 2.4.1. Các thao tác trên lớp
  - 2.4.2. Tạo Instance trong lớp
  - 2.4.3. Thứ tự các Instance trên các lớp và vị trí trên vùng làm việc
- 2.5. Lớp mặt nạ
  - 2.5.1. Cách thực hiện
  - 2.5.2. Hiệu chỉnh
- 2.6. Motion guide
- 2.7. Sử dụng onion skin
- 2.8. Tạo thêm scene

### **Bài 4: CÁC KIỂU HOẠT ẢNH FLASH**

Thời gian: 9 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Sử dụng và điều khiển được các kiểu hoạt ảnh Flash.
- Điều chỉnh được tốc độ hoạt diễn của phim

## **2. Nội dung bài:**

### **2.1. Giới thiệu các kiểu hoạt diễn**

### **2.2. Thiết kế các kiểu hoạt diễn**

#### **2.2.1. Hoạt ảnh Frame to frame**

##### **2.2.1.1. Đặc tính của hoạt ảnh Frame to frame.**

##### **2.2.1.2. Thiết lập hoạt ảnh frame to frame**

#### **2.2.2. Hoạt ảnh chuyển dạng (shape)**

##### **2.2.2.1 Đặc tính hoạt hình shape**

##### **2.2.2.2 Thiết lập hoạt hình shape**

#### **2.2.3. Hoạt ảnh motion.**

##### **2.2.3.1. Đặc tính hoạt hình motion**

##### **2.2.3.2. Thiết lập hoạt hình motion**

## **2.3. Hiệu chỉnh tốc độ hoạt diễn**

## **Bài 5: SỬ DỤNG MÀU SẮC VÀ KÝ TỰ**

Thời gian: 4 giờ

### **1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết tạo và sử dụng màu sắc, ký tự trong hoạt ảnh Flash

## **2. Nội dung bài:**

### **2.1. Xử lý màu sắc**

#### **2.1.1 Công cụ và lệnh xử lý màu**

#### **2.1.2. Tô màu cho đối tượng**

#### **2.1.3. Đổi màu trong chuyển động**

### **2.2. Xử lý ký tự:**

#### **2.2.1. Các loại văn bản trong flash**

##### **2.2.1.1. Văn bản loại văn bản tĩnh (Static Text)**

##### **2.2.1.2. Văn bản loại khối văn bản (Static Text)**

##### **2.2.1.3. Văn bản loại trường văn bản (Dynamic Text và Input Text)**

#### **2.2.2. Sử dụng văn bản trong flash**

##### **2.2.2.1. Chọn văn bản**

##### **2.2.2.2. Thiết lập các thuộc tính cho văn bản**

\* Định dạng ký tự

\* Chọn hướng văn bản xuất hiện

\* Định dạng đoạn

## **Bài 6: KỸ THUẬT MẶT NẠ (MASK)**

Thời gian: 4 giờ

### **1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết sử dụng mặt nạ trong hoạt diễn flash

## **2. Nội dung bài:**

### **2.1. Khái niệm mặt nạ.**

### **2.2. Khái niệm**

- 2.3. Đặc điểm và tính năng mặt nạ
  - 2.3.1. Đặc điểm mặt nạ
  - 2.3.2. Tính năng đặt biệt của mặt nạ
- 2.4. Xử lý mặt nạ
  - 2.4.1. Tạo mặt nạ
  - 2.4.1. Hiệu chỉnh
  - 2.4.3. Gỡ bỏ mặt nạ
- 2.5. Ứng dụng mặt nạ

## **Bài 7: SỬ DỤNG ÂM THANH - VIDEO**

Thời gian: 4 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Biết chèn và sử dụng các hiệu ứng âm thanh, video trên Flash

**2. Nội dung bài:**

- 2.1. Sử dụng âm thanh
  - 2.1.1 Dạng thức file
  - 2.1.2. Cách sử dụng
    - 2.1.2.1. Đưa hiệu ứng âm thanh vào film flash
    - 2.1.2.2. Hiệu chỉnh âm thanh
- 2.2. Sử dụng Video
  - 2.2.1. Dạng thức file
  - 2.2.2. Cách sử dụng
    - 2.2.2.1 Chèn clip vào film flash
    - 2.2.2.2 Hiệu chỉnh video

## **Bài 8: XUẤT NHẬP FILE**

Thời gian: 3 giờ

**1. Mục tiêu:** Sau khi học xong SV có khả năng:

- Xuất và nhập file từ Flash

**2. Nội dung bài:**

- 2.1. Nhập file
  - 2.1.1. Các dạng thức có thể nhập file
  - 2.1.2. Cách thực hiện
- 2.2. Xuất file
  - 2.2.1. Các dạng thức có thể xuất file
  - 2.2.2. Cách thực hiện

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Phòng học chuyên môn hóa ,nhà xưởng: phòng học, phòng thực hành, máy tính, máy chiếu
2. Trang bị máy móc: hệ thống máy tính có kết nối mạng và có cài đặt các phần mềm thiết kế Adobe Flash.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu, bảng bút long, USB.

4. Các thiết bị khác: mic, loa, máy lạnh, quạt

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Các khái niệm về hoạt ảnh.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng hiệu quả các kiểu hoạt ảnh

+ Thiết kế các mẫu hoạt ảnh ứng dụng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Các bài tập mở rộng và nâng cao.

2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

– Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Dạy lý thuyết trực tiếp trên máy

+ Cần có bộ bài tập theo chủ đề, các bài mẫu trước và sau khi làm hoạt ảnh.

– Đối với người học:

+ Cần chú ý rèn luyện cách phân tích, xây dựng kịch bản trước khi xử lý.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

– Các kiểu hoạt ảnh, điều khiển được quá trình hoạt diễn, tốc độ.

4. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình môn Thiết kế hoạt ảnh 2D Flash, Khoa TTT trường CĐKT Lý Tự Trọng.

[2] *Hướng Dẫn Thực Hành Adobe Flash CS6*, Khải Hoàn.

[3] *Tự Học Nhanh Flash CS4 Pro (Cho Người Mới Học) Với Những Bài Tập Thực Hành Macromedia Flash CS4 Nhanh Và Hiệu*. Nguyễn Công Minh

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

**Tên môn học: CÔNG NGHỆ MULTIMEDIA**

**Mã môn học: TTT4160**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45giờ; (Lý thuyết: 13 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

## I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: học sau khi học xong các môn cơ sở ngành.
- Tính chất: Là môn học tự chọn rèn luyện kỹ năng đồ họa sử dụng trong công nghệ multimedia.

## II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức: Sau khi học xong sinh viên có các kiến thức về quản lý dự án đa phương tiện; về các loại dữ liệu đa phương tiện; về tích hợp dữ liệu đa phương tiện;.
- Kỹ năng:
  - + Tích hợp dữ liệu đa phương tiện.
  - + Thu thập dữ liệu ảnh, hình động, video, âm thanh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  - + Có khả năng tự tìm hiểu, đọc tài liệu.
  - + Có năng lực về quản lý dự án đa phương tiện.
  - + Có khả năng tự tìm tòi, học hỏi, tích lũy kinh nghiệm liên quan đến công nghệ Multimedia.

## III. Nội dung môn học:

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các chương trong môn học                   | Thời gian |           |                                                      |          |
|-------|------------------------------------------------|-----------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|       |                                                | Tổng số   | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
| I.    | Chương 1: Các định nghĩa cơ bản                | 19        | 5         | 14                                                   |          |
|       | 1. Dữ liệu Multimedia                          | 7         | 2         | 5                                                    |          |
|       | 2. Công nghệ Multimedia                        | 7         | 2         | 5                                                    |          |
|       | 3. Các dịch vụ Multimedia                      | 5         | 1         | 4                                                    |          |
| II.   | Chương 2: Các chuẩn trong công nghệ Multimedia | 15        | 4         | 10                                                   | 1        |
|       | 1. Họ chuẩn MPEG trong Audio                   | 4         | 1         | 3                                                    |          |
|       | 2. Họ chuẩn MPEG trong Video                   | 4         | 1         | 3                                                    |          |

| Số TT            | Tên các chương trong môn học              | Thời gian |           |                                                      |          |
|------------------|-------------------------------------------|-----------|-----------|------------------------------------------------------|----------|
|                  |                                           | Tổng số   | Lý thuyết | Thực hành / thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận | Kiểm tra |
|                  | 3. Internet và công nghệ Multimedia       | 7         | 2         | 4                                                    | 1        |
| III.             | Chương 3: Tích hợp dữ liệu đa phương tiện | 11        | 4         | 6                                                    | 1        |
|                  | 1. Sản phẩm Audio                         | 2         | 1         | 1                                                    |          |
|                  | 2. Sản phẩm Video                         | 3         | 1         | 2                                                    |          |
|                  | 3. Sản phẩm hoạt hình                     | 2         | 1         | 1                                                    |          |
|                  | 4. Tích hợp dữ liệu Multimedia            | 4         | 1         | 2                                                    | 1        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                           | <b>45</b> | <b>13</b> | <b>30</b>                                            | <b>2</b> |

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN

Thời gian: 19 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong người học có khả năng:

- Vận dụng các kiến thức cơ sở về đa phương tiện.
- Thu thập dữ liệu đa phương tiện.

2. Nội dung chương:

2.1. Dữ liệu Multimedia

Thời gian: 7 giờ

2.2. Công nghệ Multimedia

Thời gian: 7 giờ

2.3. Các dịch vụ Multimed

Thời gian: 5 giờ

### Chương 2: CÁC CHUẨN TRONG CÔNG NGHỆ MULTIMEDIA

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong người học có khả năng:

- Vận dụng các kiến thức về quản lý dự án đa phương tiện.
- Tích hợp dữ liệu đa phương tiện.

2. Nội dung chương:

2.1. Họ chuẩn MPEG trong Audio

Thời gian: 4 giờ

2.2. Họ chuẩn MPEG trong Video

Thời gian: 4 giờ

2.3. Internet và công nghệ Multimedia

Thời gian: 7 giờ

### Chương 3: TÍCH HỢP DỮ LIỆU ĐA PHƯƠNG TIỆN

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong người học có khả năng:

- Phân biệt các công nghệ và kỹ thuật sử dụng các phần mềm,
- Thu thập và tích hợp dữ liệu đa phương tiện thành sản phẩm đa phương tiện, thể hiện sản phẩm nhờ phần mềm trình chiếu.

## 2. Nội dung chương:

|                                  |                  |
|----------------------------------|------------------|
| 2.1. Sản phẩm audio              | Thời gian: 2 giờ |
| 2.2. Sản phẩm video              | Thời gian: 3 giờ |
| 2.3. Sản phẩm hoạt hình          | Thời gian: 2 giờ |
| 2.4. Tích hợp dữ liệu multimedia | Thời gian: 4 giờ |

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng máy tính.
2. Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy tính có nối mạng; Phần mềm PaintShop PRO; Phần mềm Adobe PREMIERE; Netsupport School.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, viết lông, USB, giấy A4, A3, A1.
4. Các điều kiện khác: Micro, loa, máy lạnh, quạt.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### 1. Nội dung:

#### – Kiến thức:

- + Các loại dữ liệu đa phương tiện.
- + Quản lý dự án đa phương tiện;
- + Tích hợp dữ liệu đa phương tiện.

#### – Kỹ năng:

- + Tạo hình tĩnh.
- + Xử lý dữ liệu video.
- + Dựng hình động
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Các bài tập mở rộng và nâng cao.
- + Chăm thận, tự giác trong học tập.

### 2. Phương pháp: thực hiện các bài kiểm tra/bài tập lớn trên lớp, kiểm tra cuối kỳ.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho trình Trung cấp.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Cần rèn luyện kỹ năng tạo hình, bố cục tác phẩm đa phương tiện; Giáo dục thẩm mỹ; Quản lý dự án đa phương tiện;

– Đối với giáo viên, giảng viên: Trình bày kiến thức, phân tích mẫu, đặt vấn đề.

– Đối với người học: Lắng nghe, ghi chép, giải quyết vấn đề giáo viên đặt ra

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Kiến thức về tạo hình;
- Quản lý dự án đa phương tiện;

### 4. Tài liệu tham khảo:

[1] Đỗ Trung Tuấn, Nhập môn đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2007

[2] Đỗ Trung Tuấn, Giao diện tương tác người-máy, NXB, Khoa học Kỹ thuật, 2006

[3] John Villamil Casanova, Louis Molina, An interactive guide to Multimedia, QUE E&T Ed., 1998

[4] Elaine England, Andy Finney, Managing Multimedia, Addison Wesley Ed., 2 ed., 1999

[5] Tay Vaughan, Multimedia. Making it work, Osborne McGrawHill Ed., 1998

<http://www.adobe.com/products/director/>

<http://www.adobe.com/shockwave/download>

<http://www.corel.com/servlet/Satellite/us/>

<http://www.paintshoppro.com>

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2019*

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Khoa**